

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

KH: TKTC - ĐM/2026

**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT Lũ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU)**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐỨC MINH, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH

CÔNG TY TNHH HƯNG LAND

ĐỊA CHỈ : TỔ DÂN PHỐ 5 NAM HỒNG - PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH
ĐIỆN THOẠI: 0915 303 596 - EMAIL: HUNGLAND.HL@GMAIL.COM

NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

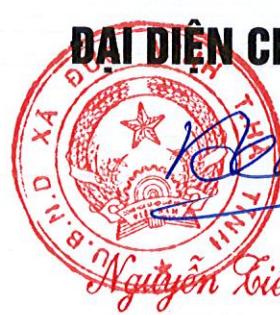
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

KH: TKTC - ĐM/2026

**CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP ĐƯỜNG GIAO THÔNG THÔN YÊN MỸ, XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU)**

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐỨC MINH, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Tiến Thắng

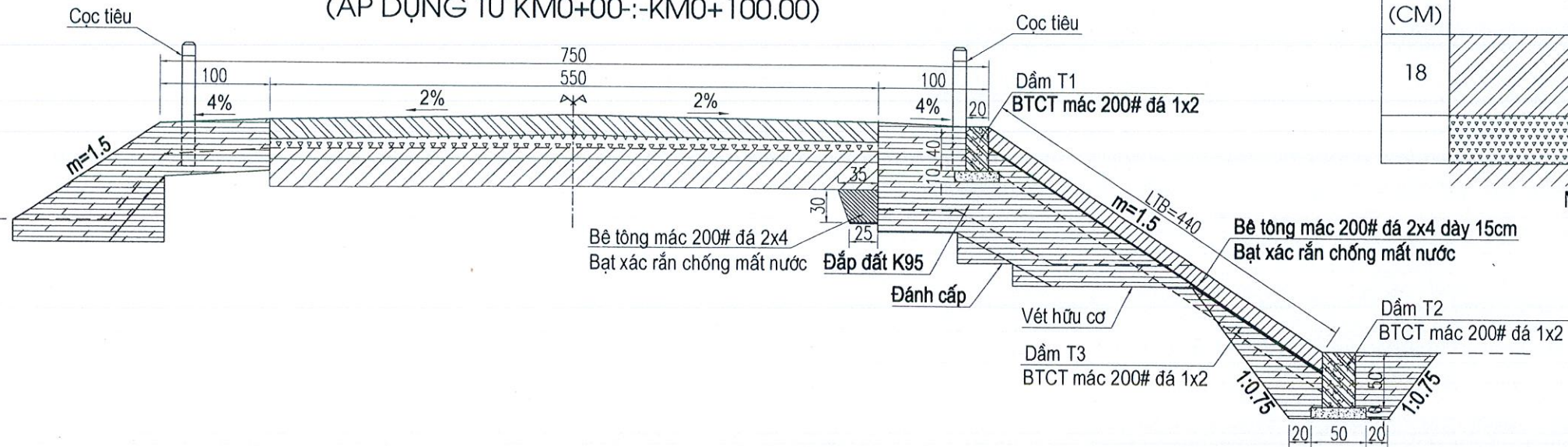
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH HƯNG LAND
CÔNG TY
T.N.H.H
HƯNG LAND
Giám đốc

Trần Văn Khuê



HẠNG MỤC: TUYỂN ĐƯỜNG 1

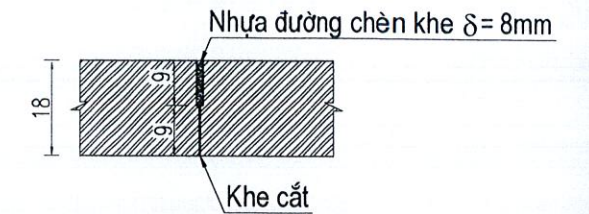
CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN ĐƯỜNG 1
(ÁP DỤNG TỪ KM0+00:-KM0+100.00)



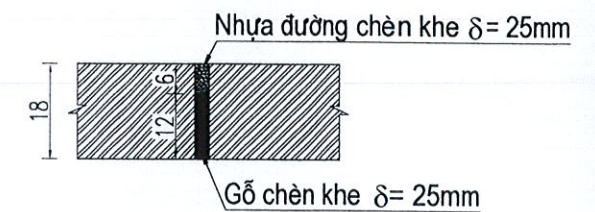
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG TĂNG CƯỜNG TRÊN MẶT ĐƯỜNG CŨ

H (CM)	
18	Bê tông xi măng mác 250# đá 1x2 dày 18cm Bạt xác rắn chống mất nước Bù vênh cấp phối đá dăm loại II, độ chặt K_d ≥ 0.95

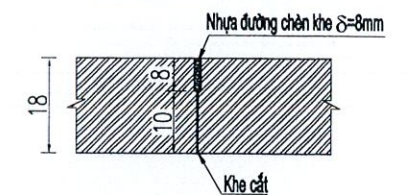
CHI TIẾT KHE CO MẶT ĐƯỜNG
(DẠNG KHE CO KHÔNG CÓ THANH TRUYỀN LỰC)



CHI TIẾT KHE GIÃN MẶT ĐƯỜNG
(DẠNG KHE GIÃN KHÔNG CÓ THANH TRUYỀN LỰC)



CHI TIẾT KHE DỌC
(DẠNG KHE GIẢN KHÔNG CÓ THANH TRUYỀN LỰC)



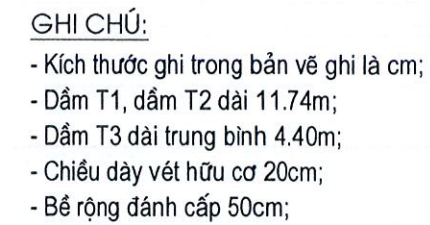
GHI CHÚ:

- Kích thước ghi trong bản vẽ ghi là cm;
- Dầm T1, dầm T2 dài 11.74m;
- Dầm T3 dài trung bình 4.40m;
- Dầm T3 dài trung bình 4.40m;
- Cự 30m bố trí 1 khe giãn,
giữa các khe giãn là các khe co cách nhau 5m;
- Khe dọc bố trí giữa tim tuyến.
- Chiều dày vết hữu cơ 20cm;
- Bề rộng đánh cấp 50cm;

Khe lún giấy dầu nhựa đường
2 lớp giấy 3 lớp nhựa

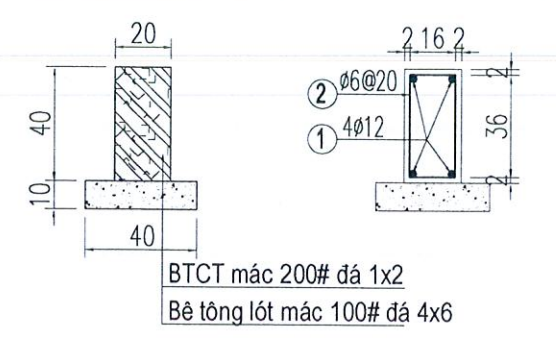
 HUNG LAND (Công ty TNHH Hưng Land) 11 Đường số 3 - Phường 10 - Quận 10 - TP.HCM	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÁU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TÊN BẢN VẼ:	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN ĐƯỜNG 1	
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOTIFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: CNĐDT1-01
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		LẤY XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026

(ÁP DỤNG TỪ KM0+100.00:-KM0+726.94)

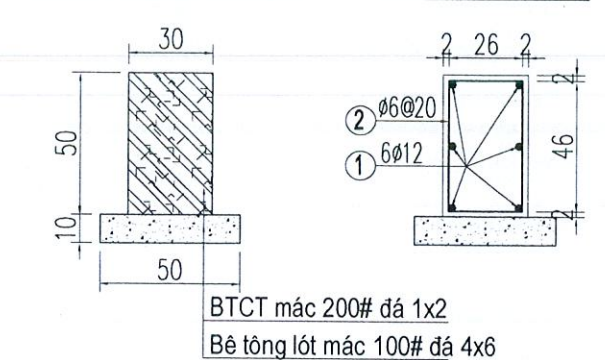


 HUNG LAND Khuất Hưng Land là công ty con của HUNG LAND	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÁU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TÊN BẢN VẼ:	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN ĐƯỜNG 1	
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT0FIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: CNĐDT1-02
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026

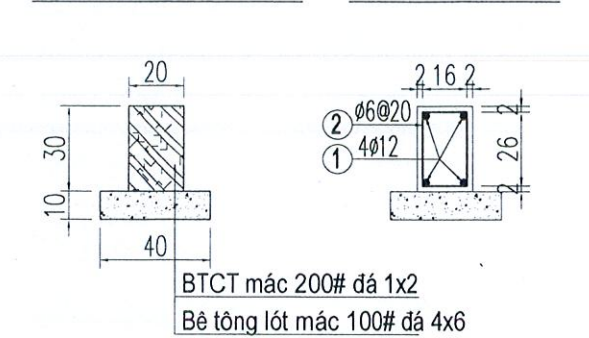
CẮT NGANG DẦM T1 CỐT TẾP DẦM T1



CẮT NGANG DẦM T2 CỐT TẾP DẦM T2

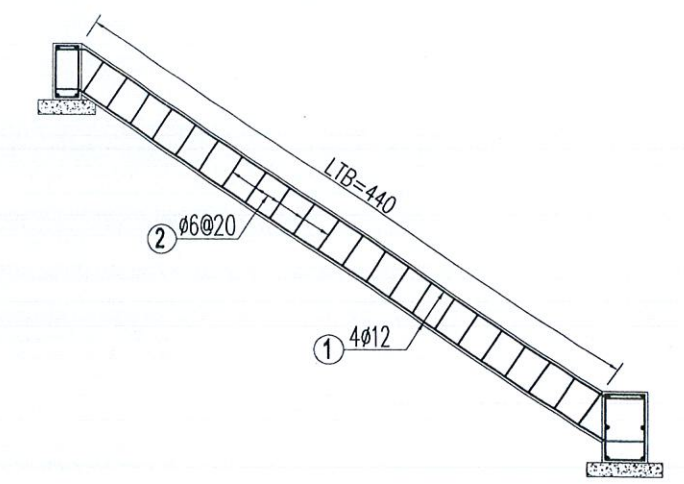


CẮT NGANG DẦM T3 CỐT TẾP DẦM T3



BẢNG THỐNG KÊ THÉP CÁC DẦM T1, T2, T3, BÊ GIA CỐ MÁI TA LUY

CẤU KIỆN	KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C. DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C. DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
					THANH 1CK	TOÀN BỘ		
DẦM T1 (1CK)	1		12	11700	4	4	46.8	41.55
	2		6	1140	60	60	68.4	15.18
DẦM T2 (1CK)	1		12	11700	6	6	70.2	62.33
	2		6	1540	60	60	92.4	20.51
DẦM T3 (1CK)	1		12	4870	4	4	19.48	17.29
	2		6	1140	22	22	25.08	5.56
BT GIA CỐ (1M2)	1		8	1000	6	6	6	2.37
	2		8	1000	6	6	6	2.37

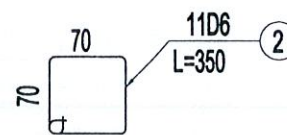
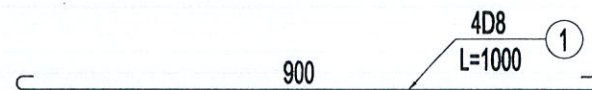
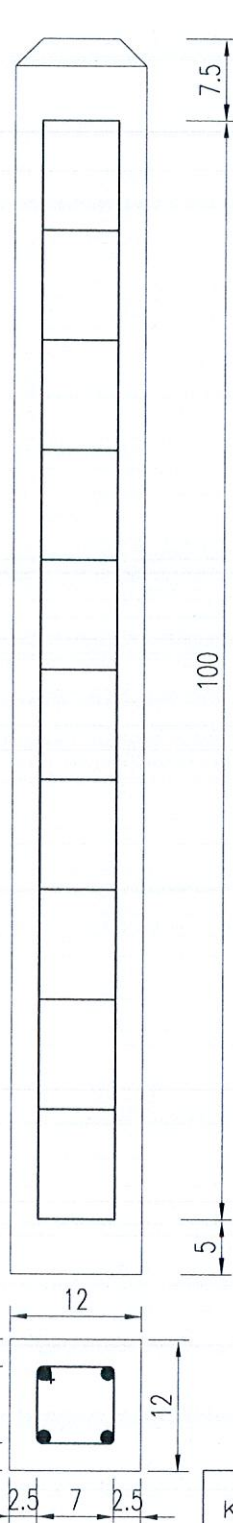
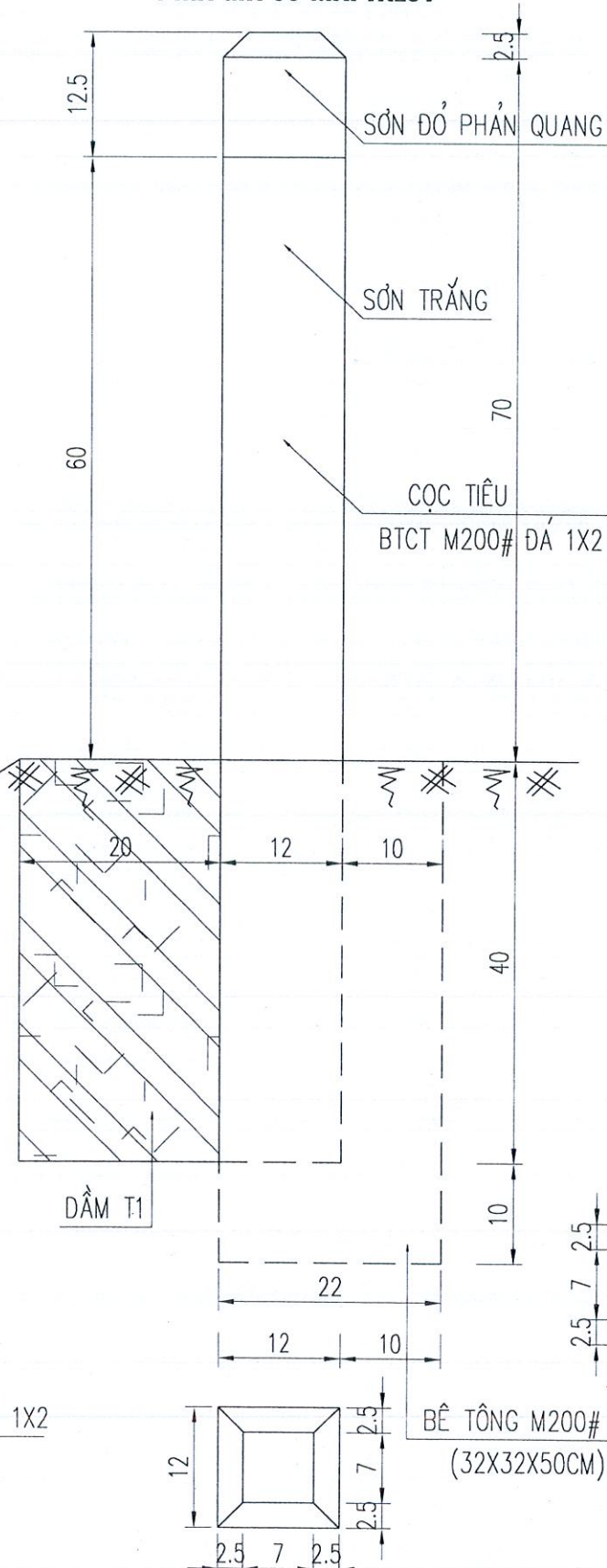
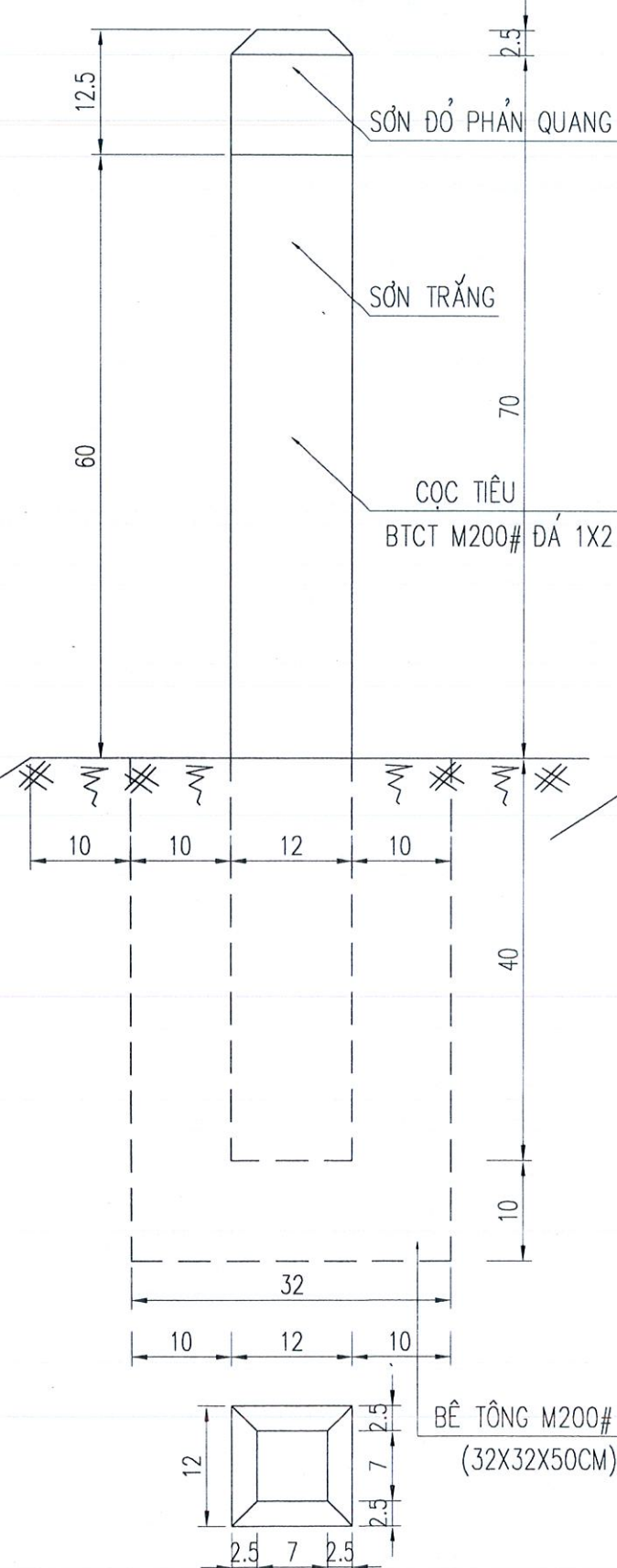


GHI CHÚ:
- Kích thước ghi trong bản vẽ ghi là cm;
- Dầm T1, dầm T2 dài 11.74m;
- Dầm T3 dài trung bình 4.40m;

CỌC TIÊU

PHÍA KHÔNG GIA CỐ MÁI TALUY

PHÍA GIA CỐ MÁI TALUY



GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG CM
- CÁC CHI TIẾT THEO QCVN41:2024

BẢNG THỐNG KÊ THÉP 1 CỌC TIÊU

KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C. DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C. DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				THANH 1 CK	TOÀN BỘ		
1	50 — 900 — 50	ø8	1000	4	4	4.00	1.58
2	70 — 350 — 70	ø6	350	11	11	3.85	0.86



HUNG LAND

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH

CÔNG TY TNHH HUNG LAND

ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH

CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LÉ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÁU)

BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ TRÌ: KS. PHẠM THANH THẮNG
THIẾT KẾ: KS. PHẠM THANH THẮNG
THỂ HIỆN: KS. NGUYỄN VĂN BẢO
KIỂM TRA: KS. PHẠM THANH THẮNG

CÔNG TY TNHH HUNG LAND

TRẦN VĂN KHUÊ

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỌC TIÊU

TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLOFIT

KY HIỆU HỒ SƠ: ATGT-01

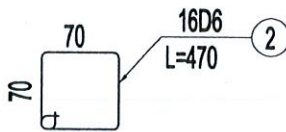
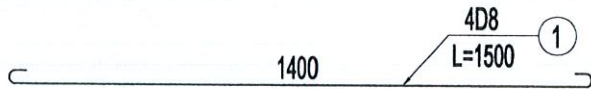
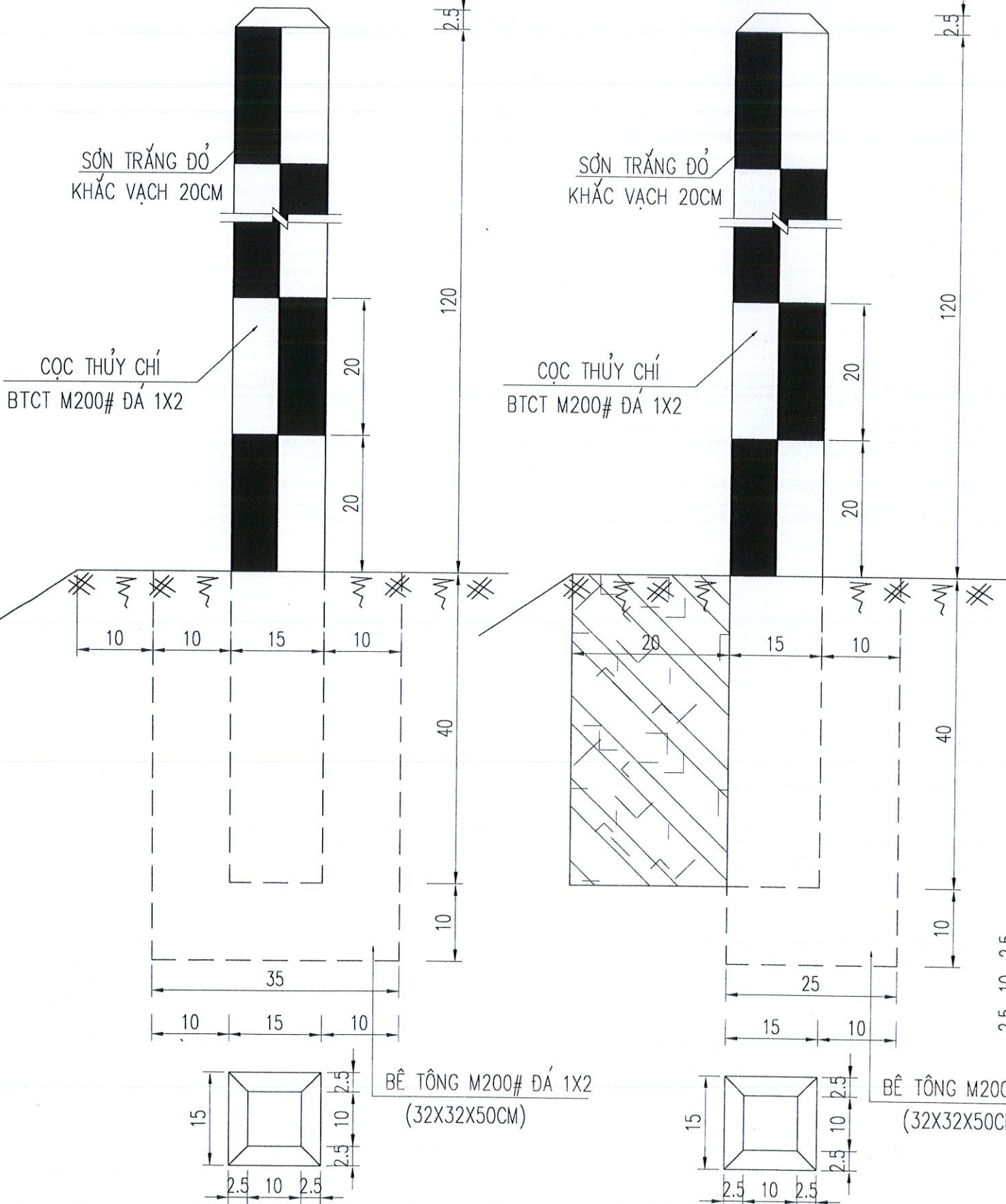
LẦN XUẤT BẢN: 01

HOÀN THÀNH: /2026

CỌC THỦY CHÍ

PHÍA KHÔNG GIA CỐ MÁI TALUY

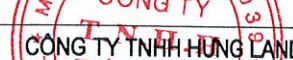
PHÍA GIA CỐ MÁI TALUY



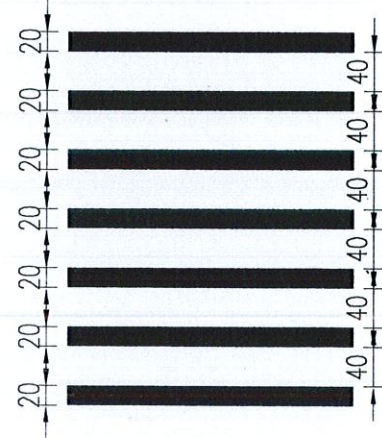
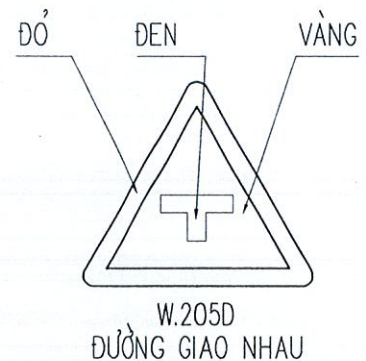
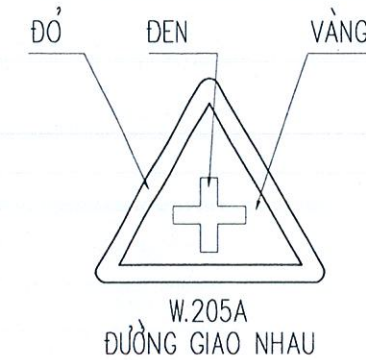
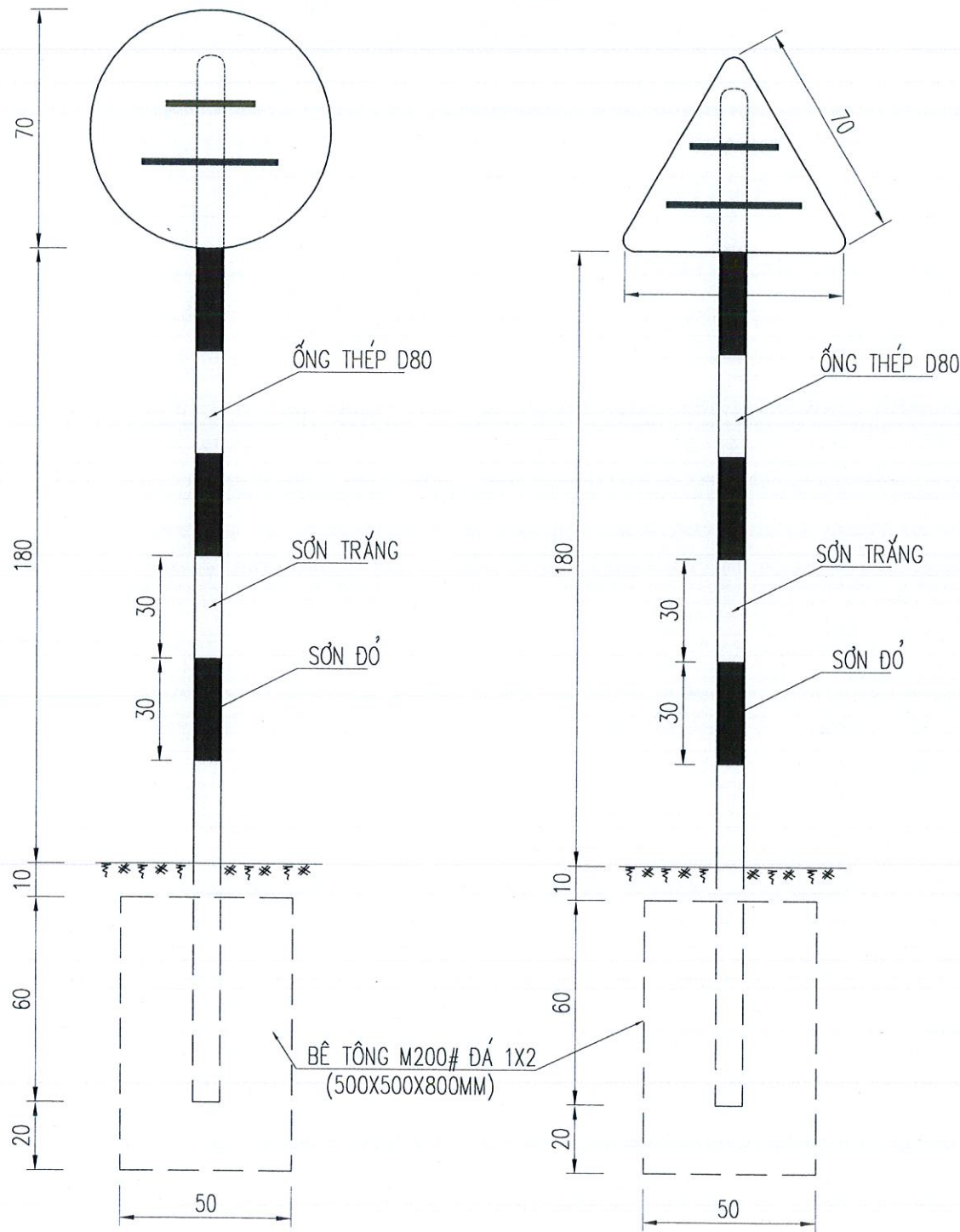
GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG CM
- CÁC CHI TIẾT THEO QCVN41:2024

BẢNG THỐNG KÊ THÉP 1 CỌC THỦY CHÍ

KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C. DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C. DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				THANH 1 CK	TOÀN BỘ		
1	50 1400 50	ø8	1500	4	4	6.00	2.37
2	100 135 100	ø6	470	16	16	7.52	1.67

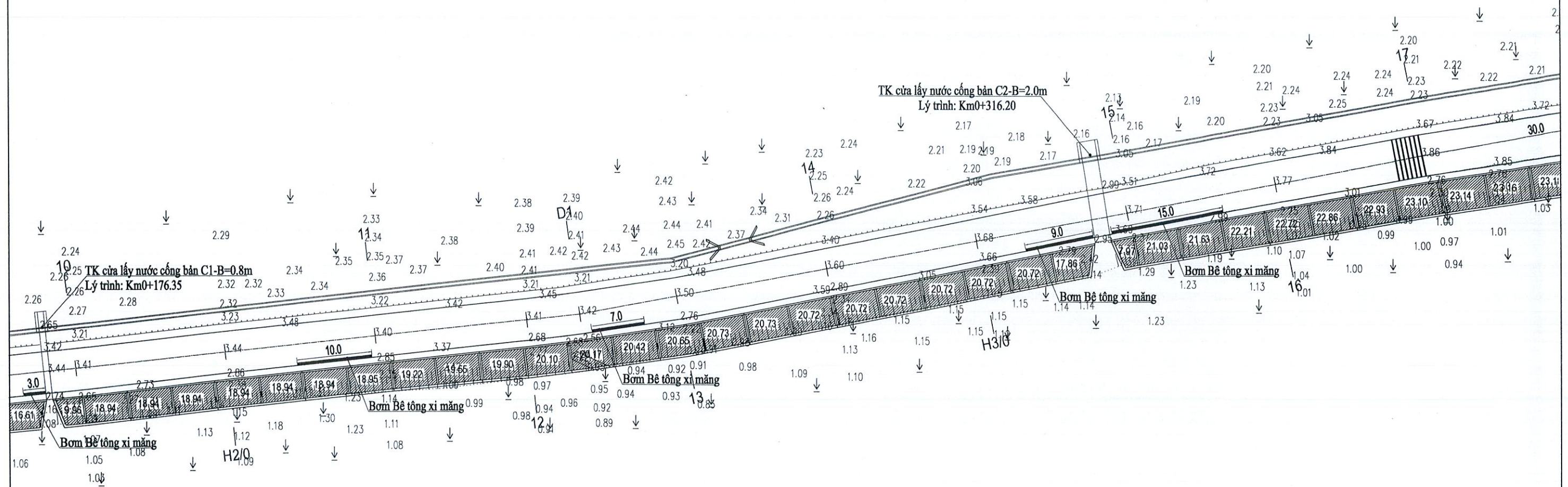
 HUNG LAND Đơn vị chuyên tư vấn thiết kế và thi công xây dựng Hotline: 0912.20.32.42	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		 CÔNG TY TNHH HUNG LAND GIÁM ĐỐC 	TÊN BẢN VẼ:	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG			CHI TIẾT CỌC THỦY CHÍ	
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO			TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT OFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: ATGT-02
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG			TRẦN VĂN KHUÊ	LẦN XUẤT BẢN: 01

BIỂN BÁO

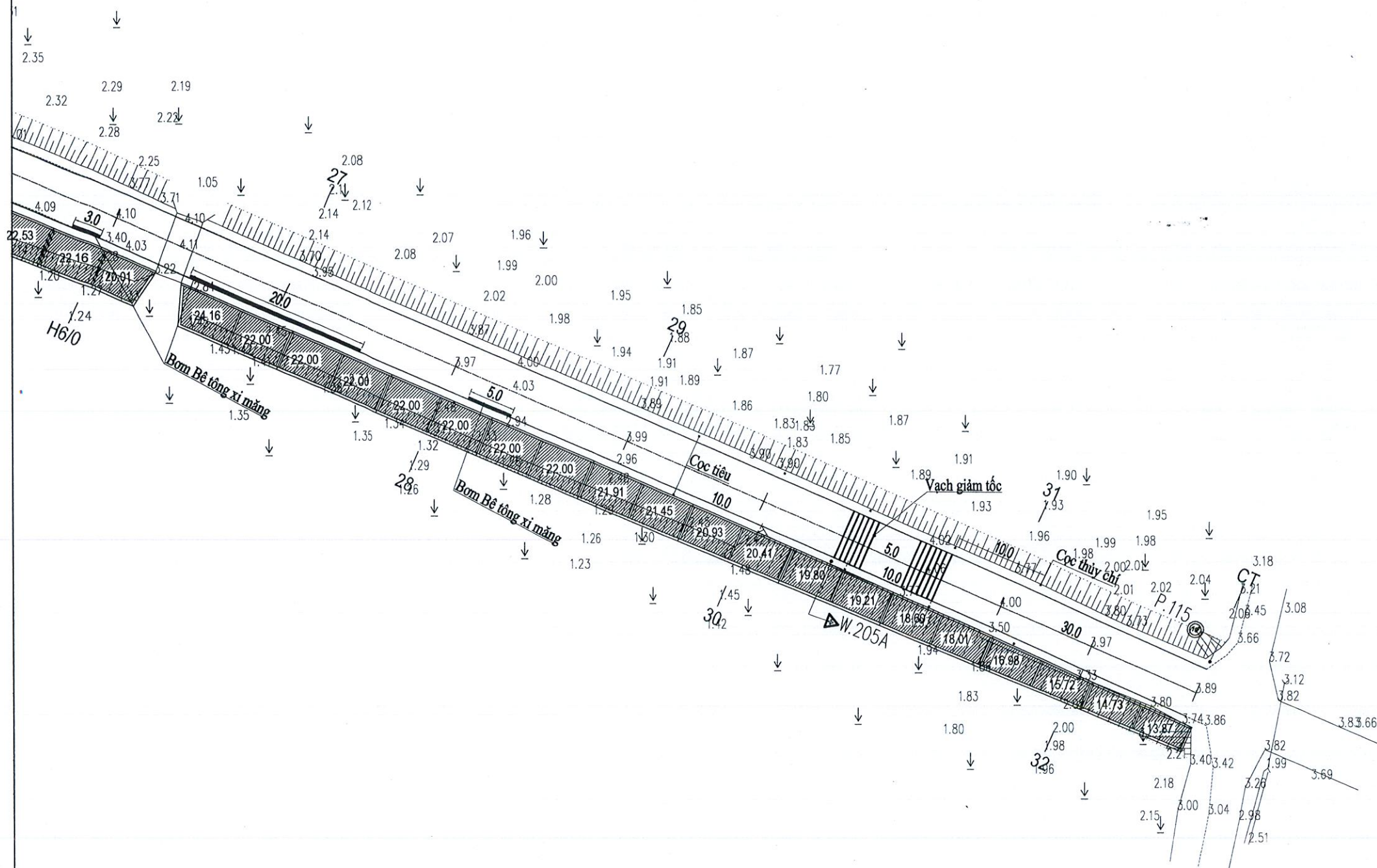


GHI CHÚ:
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI BẰNG CM
- CÁC CHI TIẾT THEO QCVN41:2024
- CÁC CHI TIẾT VẠCH SƠN THEO TCCS34:2020

 HUNG LAND Engineering & Construction	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LỬ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TÊN BẢN VẼ:	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		CHI TIẾT BIỂN BÁO - VẠCH SƠN	
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P.NAM HỒNG LÍNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT OFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: ATGT-03
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026



	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TUYẾN ĐƯỜNG 1	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P.NAM HỒNG LĨNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT OFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ1-02
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO			LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2028
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		TRẦN VĂN KHUÊ		



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH
CÔNG TY TNHH HUNG LAND
ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH

**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LỬ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU)**
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ TRÌ KS. PHẠM THANH THẮNG
THIẾT KẾ KS. PHẠM THANH THẮNG
THỂ HIỆN KS. NGUYỄN VĂN BẢO
KIỂM TRA KS. PHẠM THANH THẮNG

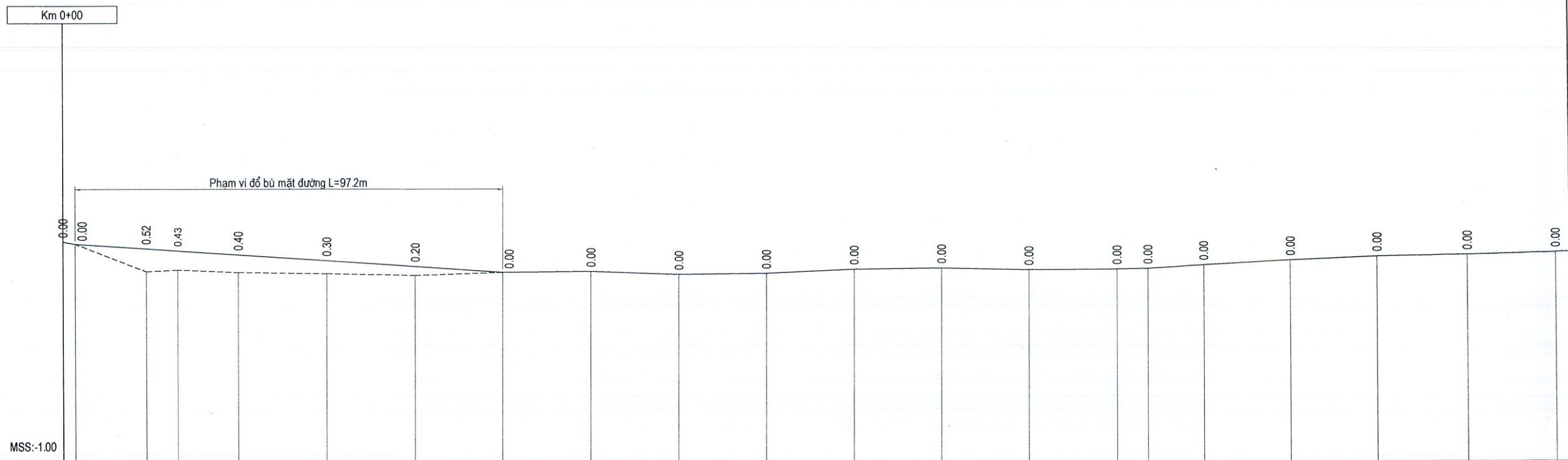
[Handwritten signatures]



TRẦN VĂN KHUÊ

TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TUYẾN ĐƯỜNG 1

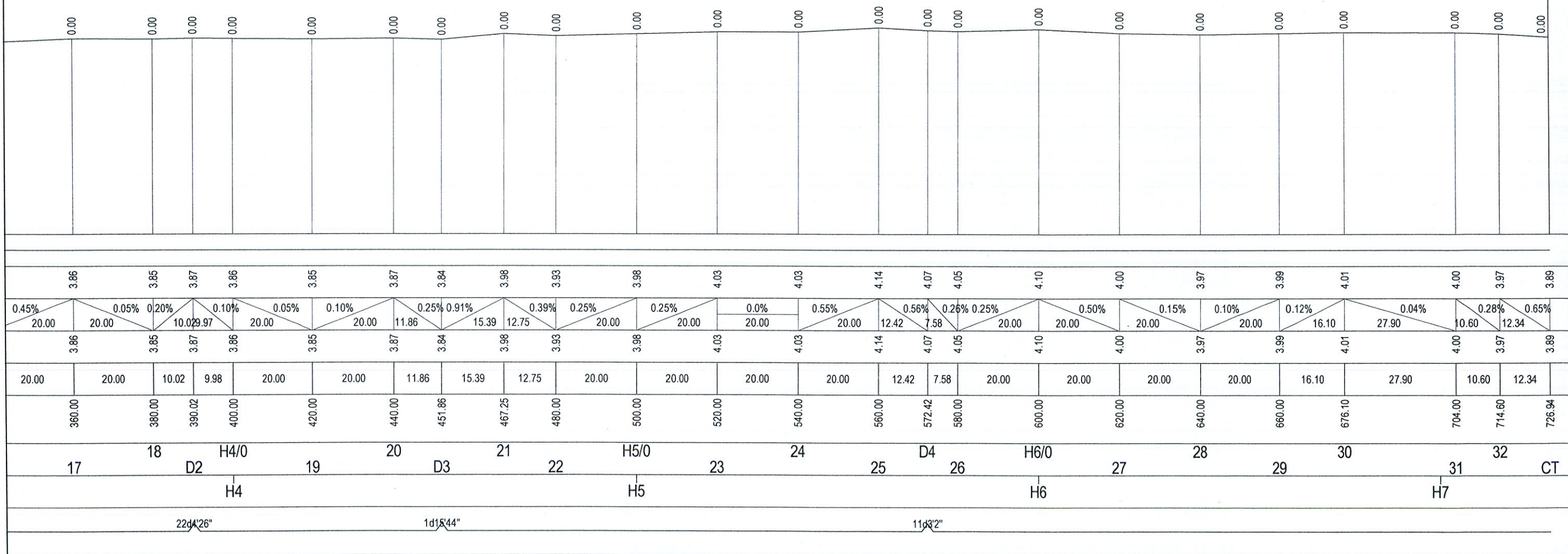
TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ1-04
LẦN XUẤT BẢN: 01 HOÀN THÀNH: /2026



BÌNH ĐỒ SƠ LƯỢC																																						
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.02 3.97		3.86	3.81		3.72		3.59		3.45		3.32		3.34		3.28		3.31		3.41		3.44		3.40		3.41		3.42		3.50		3.60		3.68		3.71		3.77
DỐC DỌC THIẾT KẾ	2.80	1.79%	97.20				0.67%		0.10%	0.30%	0.15%	0.50%	0.15%	0.20%	0.05%	0.14%	0.62%	0.50%	0.40%	0.15%	0.30%	20.00																
CAO ĐỘ TIM ĐƯỜNG	4.02 3.97		3.34	3.38		3.32		3.29		3.25		3.32		3.34		3.28		3.31		3.41		3.44		3.40		3.41		3.42		3.50		3.60		3.68		3.71		3.77
CỰ LY LỀ	2.80	16.20	7.10	13.90	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	7.05	12.95	20.00	20.00	20.00	20.00																	
CỰ LY CỘNG ĐÓN	0.00 2.80	19.00	26.10	40.00	60.00	80.00	100.00	120.00	140.00	160.00	180.00	200.00	220.00	240.00	247.05	260.00	280.00	300.00	320.00	340.00																		
TÊN CỌC	KM0 1	2 3	4	5	6	H1/0		7	8	9	10	H2/0		11	12 D1	13	14	H3/0		15	16																	
LÝ TRÌNH	H0					H1								H2				H3																				
ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	4d39'36"																																					

 HUNG LAND Unit: 1000
--

Km 0+726.94



	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN ĐƯỜNG 1	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT OFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: TDTĐ1-01
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO			LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG				

COC:KM0
KM:0+00

MSS:-5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ											
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ											
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	3.93	3.96	3.97	4.00	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02	4.02
KHOẢNG CÁCH MIA		3.57	3.75	4.08	3.60	3.85	3.67	3.67	3.73	0.99	

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

1.12 m2
0.29 m2
0.67 m2
4.13 m2
1.82 m2
5.50 m
0.00 m
2.74 m

COC:2
KM:0+19

MSS:-6.00

				2.83	3.77	3.81		3.86		3.81	3.77		2.25			
				1.40	1	2.75		2.75		0.80	0.20		2.28			
2.80	2.81	2.82	2.83	2.83	3.20	3.33		3.34	3.34	3.28	3.15	2.49	2.26	2.23	2.21	2.19
	3.04	3.34	3.10	1.32	0.50	0.98	2.73	2.84	0.77	1.26	0.54	3.07	2.77	3.75		

COC:1
KM:0+2.80

MSS:-5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				3.96	3.96	3.97		3.94	3.93			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				1	4.04	3.96		1				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	3.95	3.96	3.96	3.96	3.97	3.97	3.96	3.94	3.90	3.87	3.83	3.79
KHOẢNG CÁCH MIA		3.78	3.54	3.84	3.84	0.51	1.47	1.98	2.78	2.30	3.19	2.77

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

0.00 m2
0.00 m2
0.00 m2
0.00 m2
0.00 m2
8.00 m
0.00 m
0.00 m

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

1.39 m2
0.35 m2
0.71 m2
4.60 m2
1.33 m2
5.50 m
0.00 m
4.41 m

COC:3
KM:0+26.10

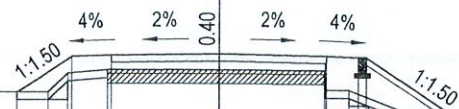
MSS:-7.00

				2.79	3.72	3.76		3.81		3.76	3.73		1.28			
				1.39	1	2.75		2.75		0.80	0.20		3.67			
2.78	2.78	2.79	2.79	2.79	3.20	3.35		3.38	3.38	3.35	3.28	2.36	2.31	1.54	1.28	1.25
	3.44	3.83	3.41	0.50	1.00	2.81	2.78	0.77	1.76	1.07	0.67	1.06	3.32	3.44		

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

1.30 m2
0.27 m2
0.99 m2
4.57 m2
1.12 m2
5.50 m
0.00 m
3.81 m

COC:4
KM:0+40



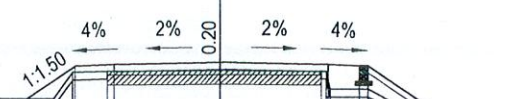
MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				2.72	3.63	3.67	3.72	3.67	3.63	3.63	1.48			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				1.36	1	2.75	2.75	0.80	0.20	3.17				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.70	2.71	2.71	2.72	3.20	3.30	3.32	3.32	3.30	2.80	2.24	2.24	1.52	1.46
KHOẢNG CÁCH MIA	3.28	3.85	3.52	0.50	1.00	2.85	2.70	0.56	1.45	0.98	1.50	2.09	2.56	3.11

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

1.26 m2
0.31 m2
1.49 m2
3.34 m2
0.05 m2
5.50 m
0.00 m
3.64 m

COC:6
KM:0+80



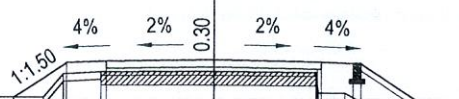
MSS:-7.00

				2.52	3.36	3.40	3.45	3.40	3.37	3.37	1.35			
				1.26	1	2.75	2.75	0.80	0.20	3.03				
	2.49	2.50	2.51	2.52	2.52	3.20	3.23	3.25	3.25	3.23	2.28	2.27	1.39	1.33
	2.87	3.17	2.66	1.99	0.50	0.89	2.92	2.58	0.95	0.92	0.98	2.00	1.68	2.92

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

1.27 m2
0.27 m2
1.17 m2
4.20 m2
0.55 m2
5.50 m
0.00 m
3.64 m

COC:5
KM:0+60



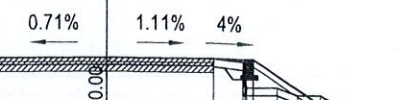
MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ				2.61	3.49	3.53	3.59	3.53	3.50	3.50	1.48			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ				1.33	1	2.75	2.75	0.80	0.20	3.03				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.59	2.60	2.60	2.61	3.21	3.27	3.29	3.29	3.27	2.74	2.26	2.26	1.48	1.42
KHOẢNG CÁCH MIA	3.37	3.52	3.76	0.50	0.96	2.88	2.62	0.86	1.48	1.65	1.14	3.38	3.14	

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L gia cố

0.81 m2
0.03 m2
1.59 m2
1.58 m2
0.00 m2
5.50 m
0.00 m
3.64 m

COC:H1/0
KM:0+100



MSS:-7.00

				3.30	3.32	3.29	3.26	3.26	1.24					
				2.80	2.70	0.80	0.20	3.03						
	2.24	2.25	2.27	2.28	2.28	3.10	3.18	3.30	3.32	3.32	3.29	3.20	2.55	1.36
	2.88	2.82	2.94	0.84	0.84	0.55	0.50	1.00	2.80	2.70	0.75	0.77	0.52	2.69

Vết hữu cơ 0.81 m2
Đánh cấp 0.10 m2
Đào móng 1.13 m2
Đắp nền K95 1.78 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.64 m

COC:7
KM:0+120

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.32 3.34 3.32 3.29 3.29 1.27													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.78 2.72 0.80 0.20 3.03													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.31	2.32	2.34	2.34	3.08	3.20	3.27	3.32	3.34	3.34	3.32	3.26	3.26	1.27
KHOẢNG CÁCH MIA	3.54	3.78	2.11	0.81	0.63	0.50	1.00	2.78	2.72	0.81	0.20	0.73	0.54	3.31

Vết hữu cơ 0.85 m2
Đánh cấp 0.22 m2
Đào móng 0.89 m2
Đắp nền K95 2.29 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.91 m

COC:9
KM:0+160

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.29 3.31 3.29 3.26 3.26 1.09													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.60 2.90 0.80 0.20 3.25													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.26	2.27	2.28	2.29	2.29	3.09	3.21	3.24	3.29	3.31	3.31	3.29	2.76	1.03
KHOẢNG CÁCH MIA	2.74	2.65	2.92	0.94	0.64	0.97	0.50	1.00	2.60	2.90	0.81	0.87	0.79	2.95

Vết hữu cơ 0.00 m2
Đánh cấp 0.12 m2
Đào móng 0.84 m2
Đắp nền K95 2.40 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.76 m

COC:8
KM:0+140

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.26 3.28 3.26 3.23 3.23 1.14													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.60 2.90 0.80 0.20 3.13													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.30	2.31	2.33	2.33	3.08	3.20	3.21	3.26	3.28	3.28	3.26	2.88	2.18	1.08
KHOẢNG CÁCH MIA	3.51	3.81	2.02	0.81	0.88	0.50	1.00	2.60	2.90	0.81	0.77	1.07	1.65	2.59

Vết hữu cơ 0.88 m2
Đánh cấp 0.21 m2
Đào móng 0.81 m2
Đắp nền K95 2.13 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.09 m

COC:10
KM:0+180

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.39 3.41 3.39 3.36 3.36 1.09													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.57 2.93 0.80 0.20 3.40													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.24	2.25	2.26	2.27	2.27	3.09	3.21	3.30	3.39	3.41	3.41	3.39	2.95	1.03
KHOẢNG CÁCH MIA	2.57	2.74	2.57	1.30	0.84	1.08	0.50	1.00	2.57	2.93	0.88	0.67	0.63	2.39

Vết hữu cơ 0.88 m2
Đánh cấp 0.14 m2
Đào móng 0.95 m2
Đắp nền K95 1.78 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.09 m

COC:H2/O
KM:0+200

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.42 3.44 3.42 3.39 3.39 1.12														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.70 2.80 0.80 0.20 3.40														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.29	2.31	2.32	2.32	3.11	3.23	3.33	3.42	3.44	3.44	3.42	3.38	3.38	1.15	1.09
KHOẢNG CÁCH MIA	3.38	3.08	2.61	0.84	1.05	0.50	1.00	2.70	2.80	0.80	0.81	1.34	1.40	3.18	3.36

Vết hữu cơ 0.92 m2
Đánh cấp 0.10 m2
Đào móng 1.46 m2
Đắp nền K95 2.26 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.34 m

COC:12
KM:0+240

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.45 3.41 3.38 3.35 3.35 0.94														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.75 2.75 0.80 0.20 3.61														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.38	2.39	2.41	2.41	3.09	3.21	3.36	3.45	3.41	3.41	3.38	3.35	3.35	0.97	0.91
KHOẢNG CÁCH MIA	3.32	3.38	2.20	0.84	1.18	0.50	1.00	2.75	2.75	0.85	1.09	0.79	1.11	1.89	2.70

Vết hữu cơ 0.88 m2
Đánh cấp 0.01 m2
Đào móng 1.37 m2
Đắp nền K95 1.96 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.09 m

COC:11
KM:0+220

MSS:-7.00

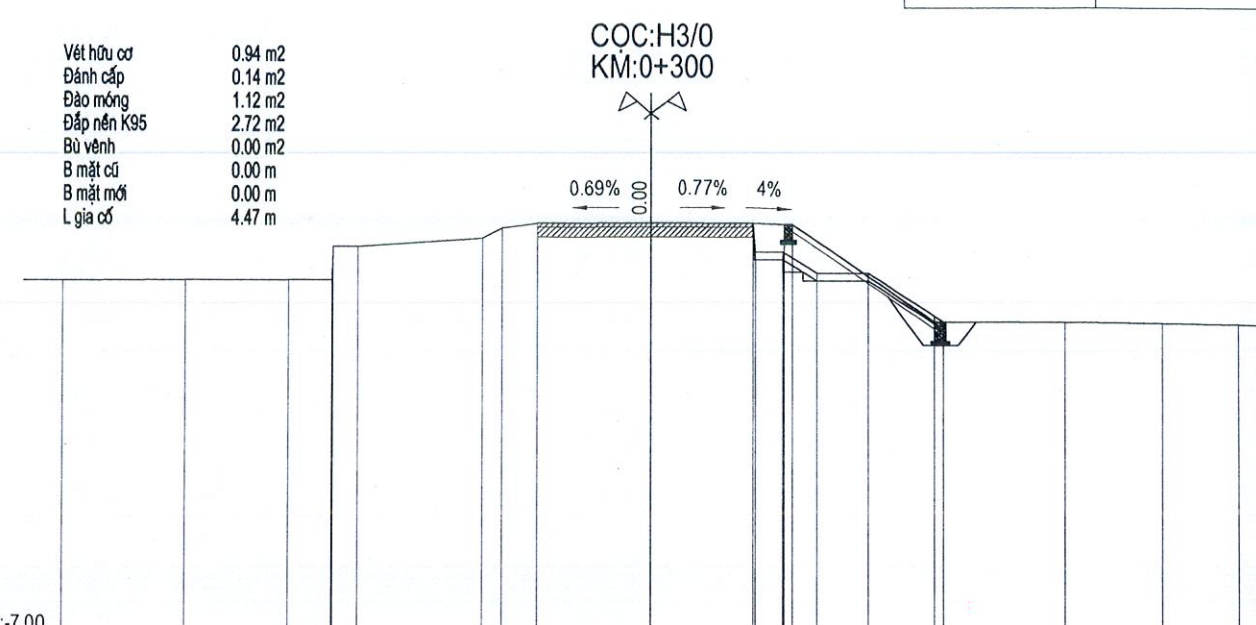
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.38 3.40 3.38 3.35 3.35 1.08														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.69 2.81 0.80 0.20 3.40														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.33	2.34	2.35	2.36	2.36	3.10	3.22	3.29	3.38	3.40	3.40	3.38	3.35	1.15	1.08
KHOẢNG CÁCH MIA	2.41	2.54	2.74	1.29	0.84	1.15	0.50	1.00	2.69	2.81	0.80	1.50	0.76	1.39	2.81

Vết hữu cơ 0.92 m2
Đánh cấp 0.06 m2
Đào móng 1.17 m2
Đắp nền K95 1.58 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.34 m

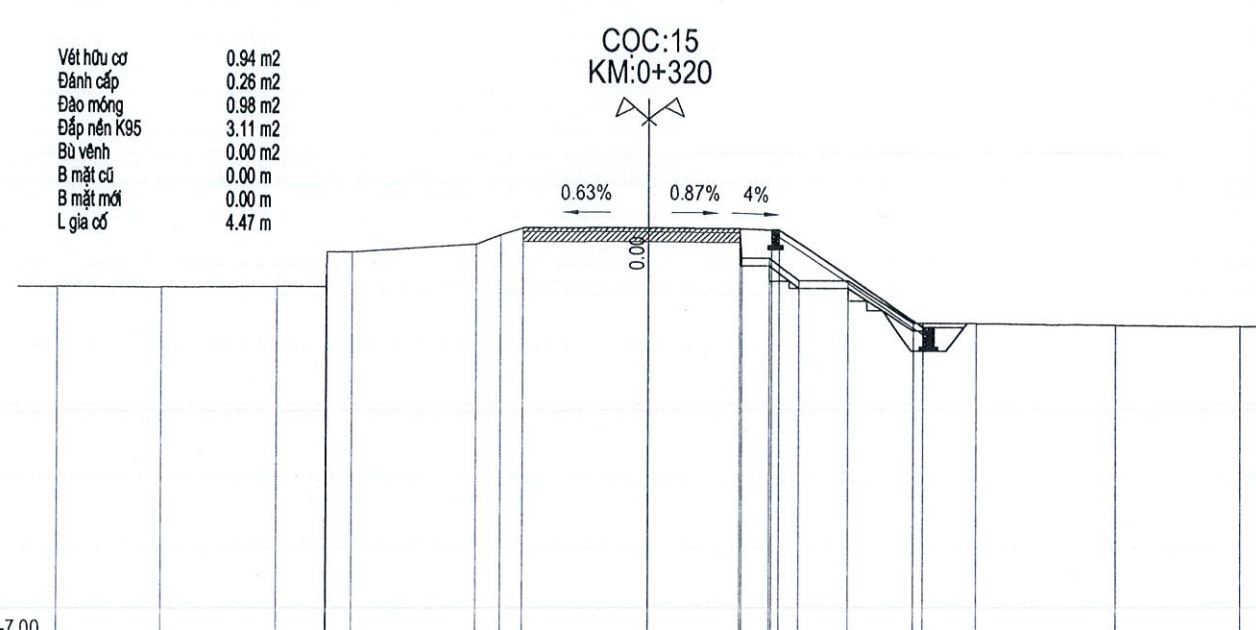
COC:D1
KM:0+247.05

MSS:-8.00

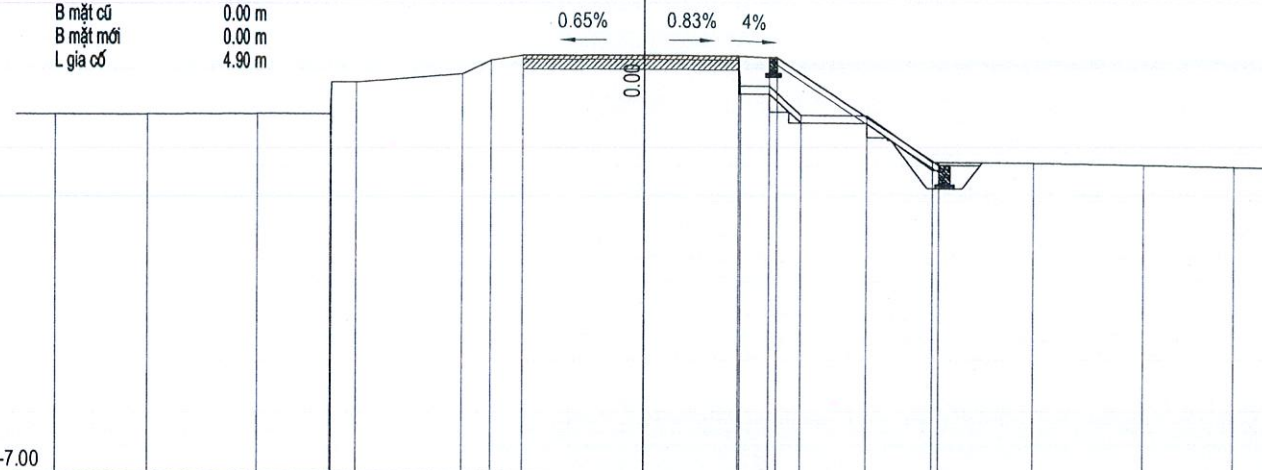
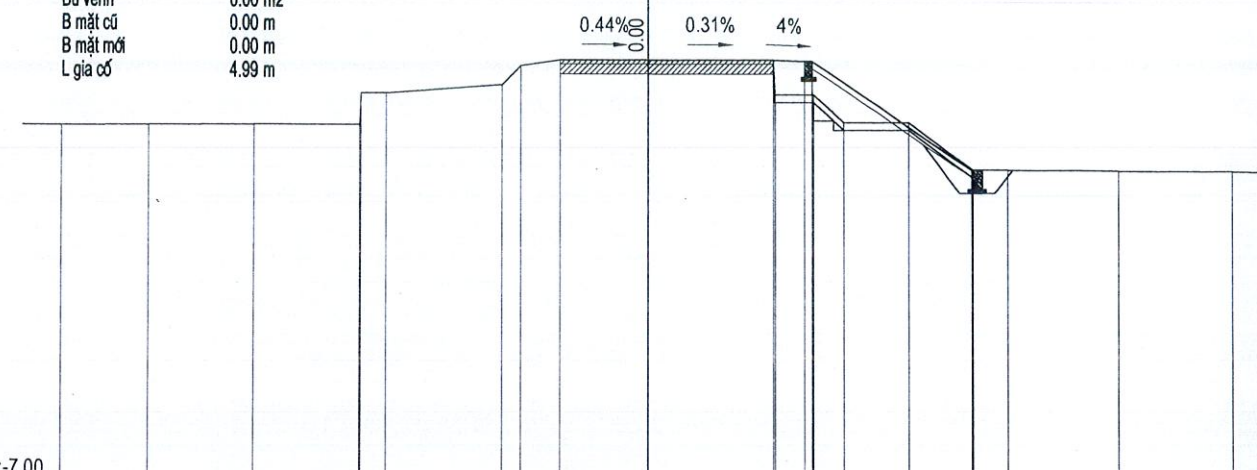
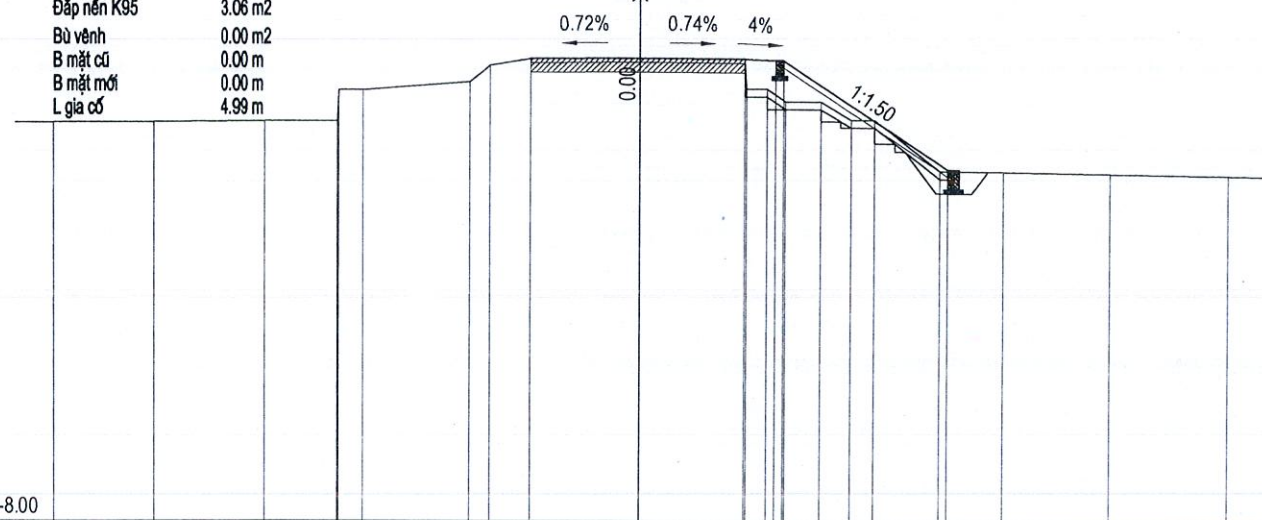
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.46 3.42 3.39 3.36 3.36 0.95														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.88 2.62 0.80 0.20 3.61														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.39	2.40	2.41	2.42	2.42	3.09	3.21	3.37	3.46	3.42	3.42	3.39	3.36	0.95	0.89
KHOẢNG CÁCH MIA	2.39	2.57	2.75	1.16	0.84	1.09	0.50	1.00	2.67	2.62	0.37	0.88	1.09	2.77	2.05

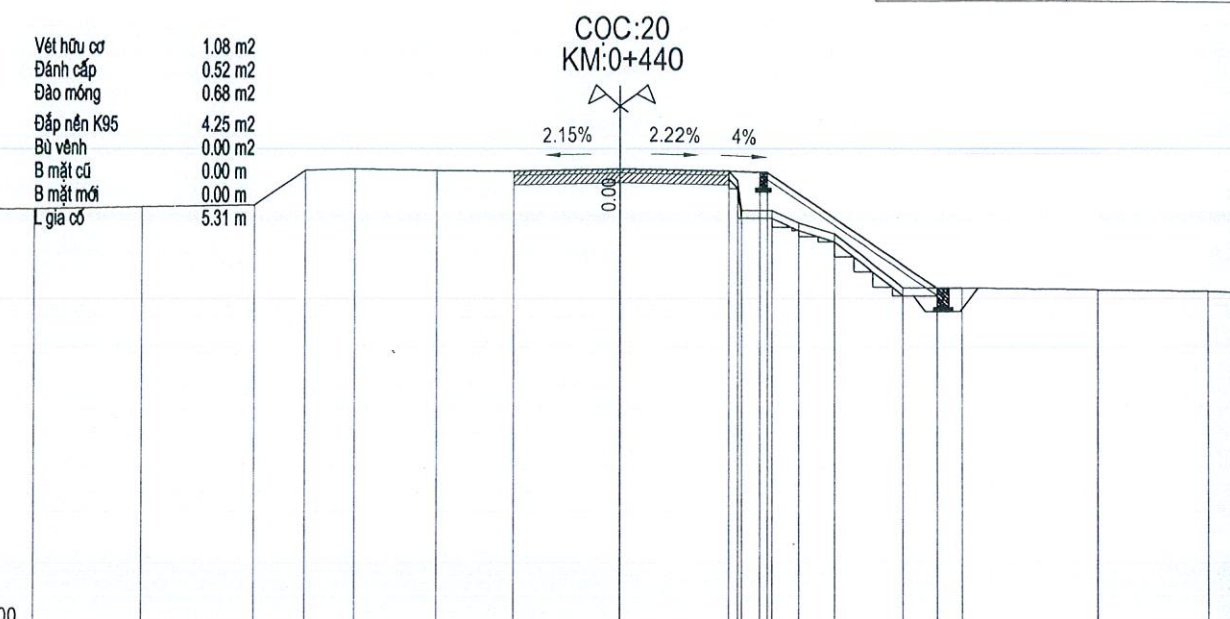


																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

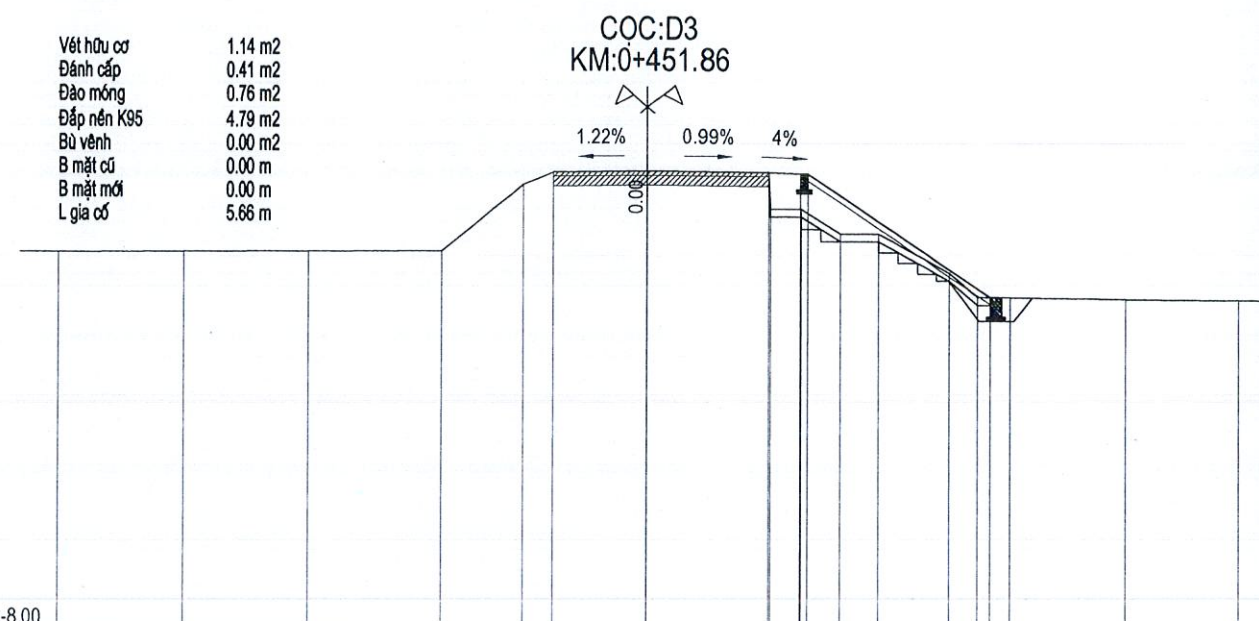


2.13	2.14	2.16	2.16	3.05	3.27	3.51	3.69	3.71	3.71	3.69	3.66	3.66	1.29	1.29	1.26	1.23
2.67	2.91	1.23	0.84	3.14	0.63	0.56	3.20	2.30	0.80	0.20	3.72				3.42	3.18

MSS:-7.00MSS:-8.00[illegible]



	2.75	2.87	1.28	1.25	2.09	1.96	2.80	2.70	0.74 0.78 0.68 0.93	3.81 3.86 2.50 2.22	0.80 0.20	4.41	0.84	0.84	0.81	0.78
										3.81 3.87 3.87	2.80	2.70	3.81 3.78 3.78	0.84		
										3.81						

[illegible]

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.18 m2
Đào móng 1.14 m2
Đắp nền K95 3.40 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:21
KM:0+467.25

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ								3.94	3.98	3.95	3.92	3.92	1.28		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ									2.49	3.01	0.80	0.20	3.96		
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.77	1.79	1.81	1.83	1.83	3.88	3.94	3.98	3.98	3.95	2.94	2.94	2.27	2.27	1.31
KHOẢNG CÁCH MIA		2.79	2.82	2.49	1.39	2.20	0.80	2.50	3.00	0.80	1.29	1.27	0.92	1.75	1.30

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.14 m2
Đào móng 1.37 m2
Đắp nền K95 4.27 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:H5/0
KM:0+500

MSS:-7.00

								3.96	3.98	3.96	3.93	3.93	1.29		
									2.63	2.88	0.80	0.20	3.96		
4.06	4.08	4.10	4.12	4.12	3.96	3.98	3.98	3.96	2.79	2.56	2.28	2.28	1.48	1.48	1.45
	2.96	2.60	2.96	3.00	0.86	2.63	2.88	0.86	1.22	0.76	0.79	0.82	1.80	1.85	2.43

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.18 m2
Đào móng 1.37 m2
Đắp nền K95 3.10 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:22
KM:0+480

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ								3.91	3.93	3.91	3.88	3.88	1.24		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ									2.51	2.99	0.80	0.20	3.96		
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.80	1.82	1.84	1.86	1.86	2.96	3.79	3.91	3.93	3.93	3.91	3.10	2.42	2.28	1.40
KHOẢNG CÁCH MIA		2.51	2.66	2.63	1.67	0.51	1.65	0.84	2.51	2.99	0.86	0.83	1.34	1.22	1.84

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.17 m2
Đào móng 1.42 m2
Đắp nền K95 3.47 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:23
KM:0+520

MSS:-7.00

								4.06	4.03	4.01	3.98	3.98	1.34		
									2.78	2.72	0.80	0.20	3.96		
4.01	4.03	4.05	4.07	4.06	4.03	4.03	4.01	3.98	3.98	3.98	2.56	2.32	2.32	1.45	1.45
	3.07	3.31	3.46	2.38	2.78	2.72	0.86	0.98	1.17	1.02	0.46	1.80	1.73	2.69	2.38

Vết hữu cơ 1.03 m²
Đánh cấp 0.20 m²
Đào móng 1.66 m²
Đắp nền K95 3.44 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 5.01 m

COC:24
KM:0+540

1.06% 0.00 1.12% 4%

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.00						4.03	4.00	3.97	1.19							
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.83	2.67	0.80	0.20	4.17						
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	4.01	4.04	4.07	4.07	4.07	4.00	4.03	4.03	4.00	2.99	2.99	2.27	2.27	1.41	1.41	1.38	1.35
KHOẢNG CÁCH MIA		3.37	3.01	1.96	2.08	1.75	2.83	2.67	0.80	1.49	1.05	1.25	1.80	1.13	3.05	2.51	

Vết hữu cơ 1.03 m²
Đánh cấp 0.25 m²
Đào móng 1.80 m²
Đắp nền K95 2.62 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 5.01 m

COC:D4
KM:0+572.42

1.00% 0.00 0.57% 4%

MSS:-7.00

																		4.09	4.07	4.05	4.02	4.02					1.24					
																		1.99	3.51	0.80	0.20	4.17										
2.36	2.38		2.40	2.42	2.42	3.94	4.09	4.07	4.07	4.05	3.74	3.74	2.31	2.31	1.24	1.24	1.21	1.18														
	2.75	2.66	2.48	1.62	2.72	0.79	1.99	3.51	0.48	0.41	1.05	1.14	1.11	1.80	1.33	2.00	2.06															

Vết hữu cơ 1.03 m²
Đánh cấp 0.23 m²
Đào móng 1.49 m²
Đắp nền K95 4.40 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 5.01 m

COC:25
KM:0+560

0.74% 0.00 0.71% 4%

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.12	4.14	4.12	4.09	4.09						1.31		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2.70	2.81	0.80	0.20	4.17								
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	4.06	4.07	4.09	4.10	4.12	4.14	4.14	4.12	3.98	3.98	2.30	2.30	1.30	1.30	1.30	1.27	1.24	
KHOẢNG CÁCH MIA		2.87	3.08	3.05	3.32	2.70	2.81	0.80	1.02	1.72	1.33	1.80	0.80	1.55	2.42	2.29		

Vết hữu cơ 1.03 m²
Đánh cấp 0.20 m²
Đào móng 1.59 m²
Đắp nền K95 2.32 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 5.01 m

COC:26
KM:0+580

0.83% 0.00 0.32% 4%

MSS:-7.00

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.27 m2
Đào móng 0.53 m2
Đắp nền K95 3.44 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:H6/0
KM:0+600

0.73% 0.00 0.72% 4%

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.08	4.10	4.08	4.05	4.05	1.41				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2.73	2.77	0.80	0.20	3.95					
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.19	2.22	2.25	2.25	3.77	4.08	4.10	4.10	4.08	3.40	2.28	2.28	1.27	1.27	1.24
KHOẢNG CÁCH MIA		3.69	3.75	1.41	2.57	0.86	2.73	2.77	0.95	1.12	1.12	0.77	1.79	1.47	3.02

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.12 m2
Đào móng 1.14 m2
Đắp nền K95 3.28 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:28
KM:0+640

0.72% 0.00 0.37% 4%

MSS:-7.00

						3.99	3.97	3.96	3.93	3.93	1.29				
						2.79	2.71	0.80	0.20	3.95					
	1.96	1.99	2.02	2.02	3.87	3.99	3.97	3.97	3.96	2.88	2.48	2.33	1.32	1.32	1.29
		3.61	3.61	1.49	2.50	1.00	2.79	2.71	0.95	1.19	1.37	1.07	1.40	2.05	2.35

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.14 m2
Đào móng 0.99 m2
Đắp nền K95 3.50 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:27
KM:0+620

1.10% 0.00 0.72% 4%

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						3.97	4.00	4.02	3.99	3.99	1.35				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2.72	2.78	0.80	0.20	3.95					
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.08	2.11	2.14	2.14	3.70	3.97	4.00	4.00	4.02	2.94	2.45	2.35	1.41	1.41	1.38
KHOẢNG CÁCH MIA		3.41	2.88	2.49	2.50	1.00	2.73	2.77	0.95	1.01	1.31	1.13	1.36	1.04	3.04

Vết hữu cơ 0.99 m2
Đánh cấp 0.13 m2
Đào móng 1.04 m2
Đắp nền K95 3.27 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.76 m

COC:29
KM:0+660

1.37% 0.00 1.16% 4%

MSS:-7.00

						4.03	3.99	3.96	3.93	3.93	1.29				
						2.92	2.58	0.80	0.20	3.95					
	1.85	1.88	1.91	1.91	3.89	4.03	3.99	3.99	3.96	2.96	2.48	2.39	1.29	1.29	1.26
		3.32	3.02	2.17	2.57	1.00	2.92	2.58	0.95	0.91	1.33	1.19	1.55	1.01	3.37

Vết hữu cơ 0.94 m2
Đánh cấp 0.24 m2
Đào móng 0.80 m2
Đắp nền K95 3.44 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.45 m

COC:30
KM:0+676.10

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.04	4.01	3.98	3.95	3.95	1.48			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.98	2.52	0.80	0.20	3.70			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.77	1.80	1.83	1.83	3.90	4.04	4.01	4.01	3.98	2.97	2.42	2.42	1.48	1.45
KHOẢNG CÁCH MIA		3.14	3.44	1.94	2.49	1.00	2.98	2.52	0.95	1.09	1.39	0.50	1.55	3.44

Vết hữu cơ 0.75 m2
Đánh cấp 0.18 m2
Đào móng 0.92 m2
Đắp nền K95 1.86 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.33 m

COC:32
KM:0+714.60

MSS:-7.00

						3.92	3.97	3.90	3.87	2.02				
							2.85	2.65	0.80	0.20	2.77			
	1.95	1.98	2.01	2.01	3.80	3.92	3.97	3.97	3.90	3.51	3.33	2.02	2.02	2.00
		3.04	2.92	2.84	2.50	0.85	2.85	2.65	0.95	0.66	2.74	0.67	2.77	2.15

Vết hữu cơ 0.84 m2
Đánh cấp 0.29 m2
Đào móng 0.80 m2
Đắp nền K95 2.48 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.84 m

COC:31
KM:0+704

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						3.97	4.00	4.02	3.99	3.99	1.86			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							3.02	2.48	0.80	0.20	3.19			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.90	1.93	1.96	1.96	3.77	3.97	4.00	4.00	4.02	3.50	3.20	1.86	1.86	1.80
KHOẢNG CÁCH MIA		3.54	3.66	1.31	2.47	1.00	3.02	2.48	0.95	0.45	0.97	2.68	1.00	3.87

Vết hữu cơ 0.69 m2
Đánh cấp 0.15 m2
Đào móng 1.33 m2
Đắp nền K95 1.24 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 2.93 m

COC:CT
KM:0+726.94

MSS:-6.00

						3.87	3.89	3.87	3.84	2.21				
							2.77	2.78	0.80	0.20	2.44			
	3.18	3.21	2.06	2.06	2.06	3.85	3.87	3.89	3.87	3.74	2.21	2.21	2.18	2.15
		3.25	0.67	2.28	2.46	2.48	1.10	2.77	2.78	0.81	3.28	0.87	3.45	3.81

Vết hữu cơ 0.83 m²
Đánh cấp 0.41 m²
Đào móng 0.88 m²
Đắp nền K95 1.92 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.73 m

CỌC: KM0
KM: 0+00

MSS: -7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	1.92 3.99														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.10														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.67	1.67	1.73	1.80	1.86	1.95	2.98	3.99	3.99	4.05	4.06	4.00	2.89	2.86	2.82
KHOẢNG CÁCH MIA	0.76	3.18	3.36	3.00	2.25	1.27	1.17	0.57	2.94	2.82	1.06	0.91	3.09	3.63	

Vết hữu cơ 1.00 m²
Đánh cấp 0.61 m²
Đào móng 0.88 m²
Đắp nền K95 5.29 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 4.77 m

CỌC: CT
KM: 0+21.65

MSS: -8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	0.26 3.63														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.37														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.67	1.67	1.67	0.21	0.20	0.18	0.27	0.38	3.63	3.60	3.86	3.77	2.48	2.24	0.81
KHOẢNG CÁCH MIA	0.44	2.44	1.41	2.55	2.99	1.94	2.26	0.97	0.81	2.80	2.81	0.51	1.66	2.18	0.81

Vết hữu cơ 0.75 m²
Đánh cấp 0.38 m²
Đào móng 0.83 m²
Đắp nền K95 2.28 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L gia cố 3.73 m

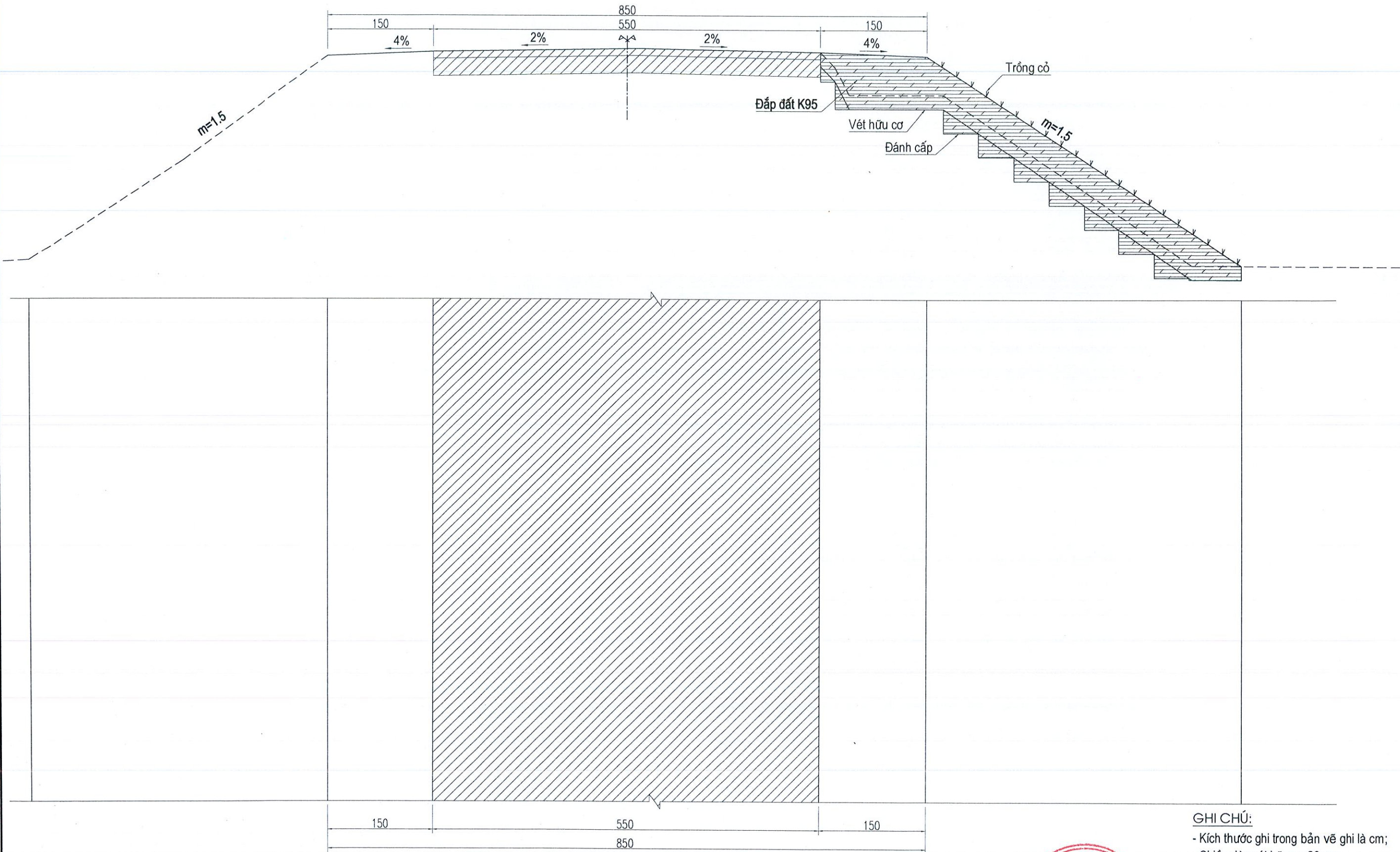
CỌC: D1
KM: 0+16.25

MSS: -8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	1.68 3.75														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.10														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.67	1.67	1.67	1.67	0.21	0.18	1.37	1.82	2.46	3.75	3.89	3.81	3.90	3.85	2.41
KHOẢNG CÁCH MIA	0.38	1.59	0.57	0.86	5.25	1.23	3.00	1.08	1.04	0.71	2.35	3.68	3.55	0.82	1.21

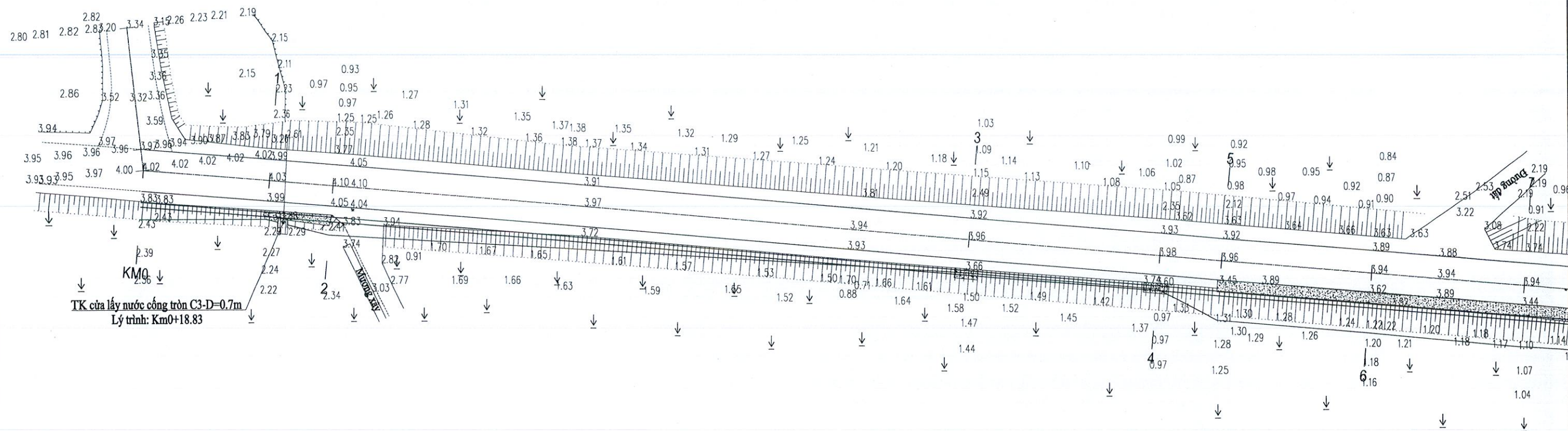
HẠNG MỤC: TUYẾN ĐƯỜNG 2

CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN ĐƯỜNG 2

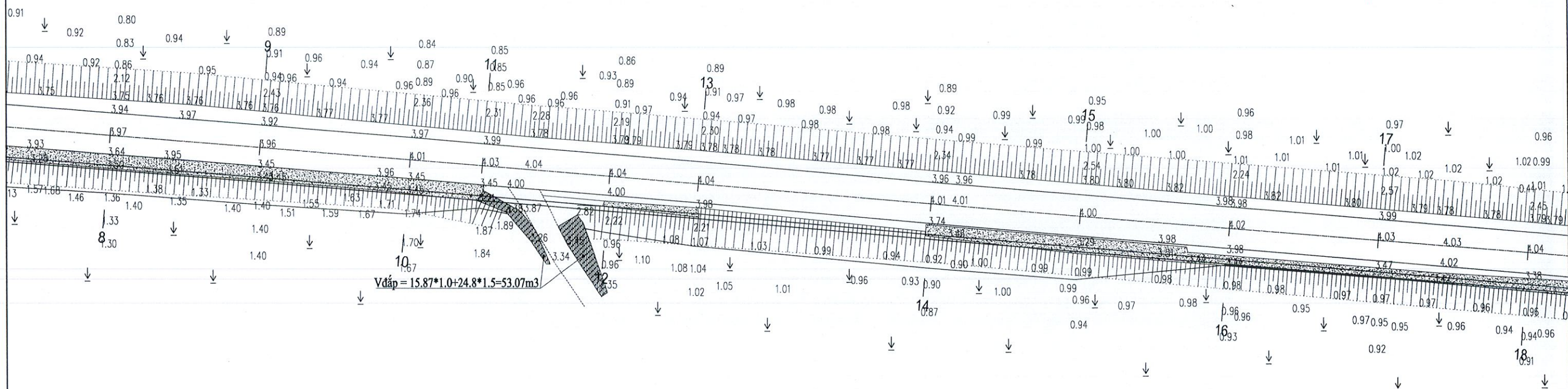


GHI CHÚ:
- Kích thước ghi trong bản vẽ ghi là cm;
- Chiều dày vết hữu cơ 20cm;
- Bề rộng đánh cấp 50cm;

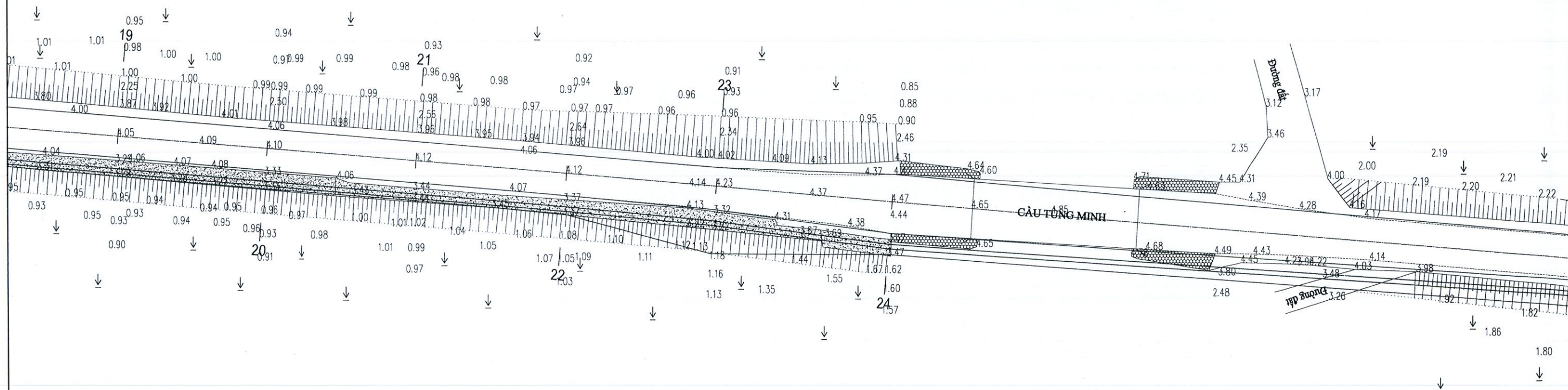
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TÊN BẢN VẼ: CẮT NGANG ĐẠI DIỆN TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P.NAM HỒNG LĨNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT OFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: CNĐDT2-01
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO			LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG				



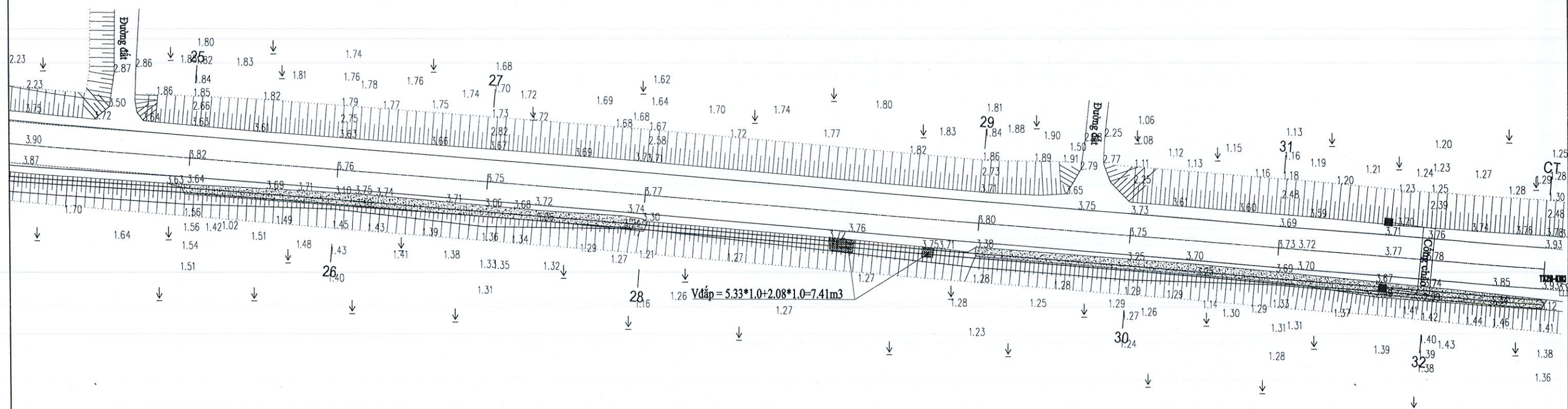
 HUNG LAND Land Development & Construction Phone: 09.2203.1876	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG	 CÔNG TY TNHH HUNG LAND GIÁM ĐỐC HUNG LAND  TRẦN VĂN KHUÊ	TÊN BẢN VẼ: BÌNH DỒ TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT0FIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ2-01
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG			

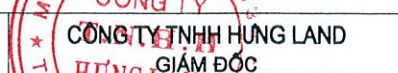


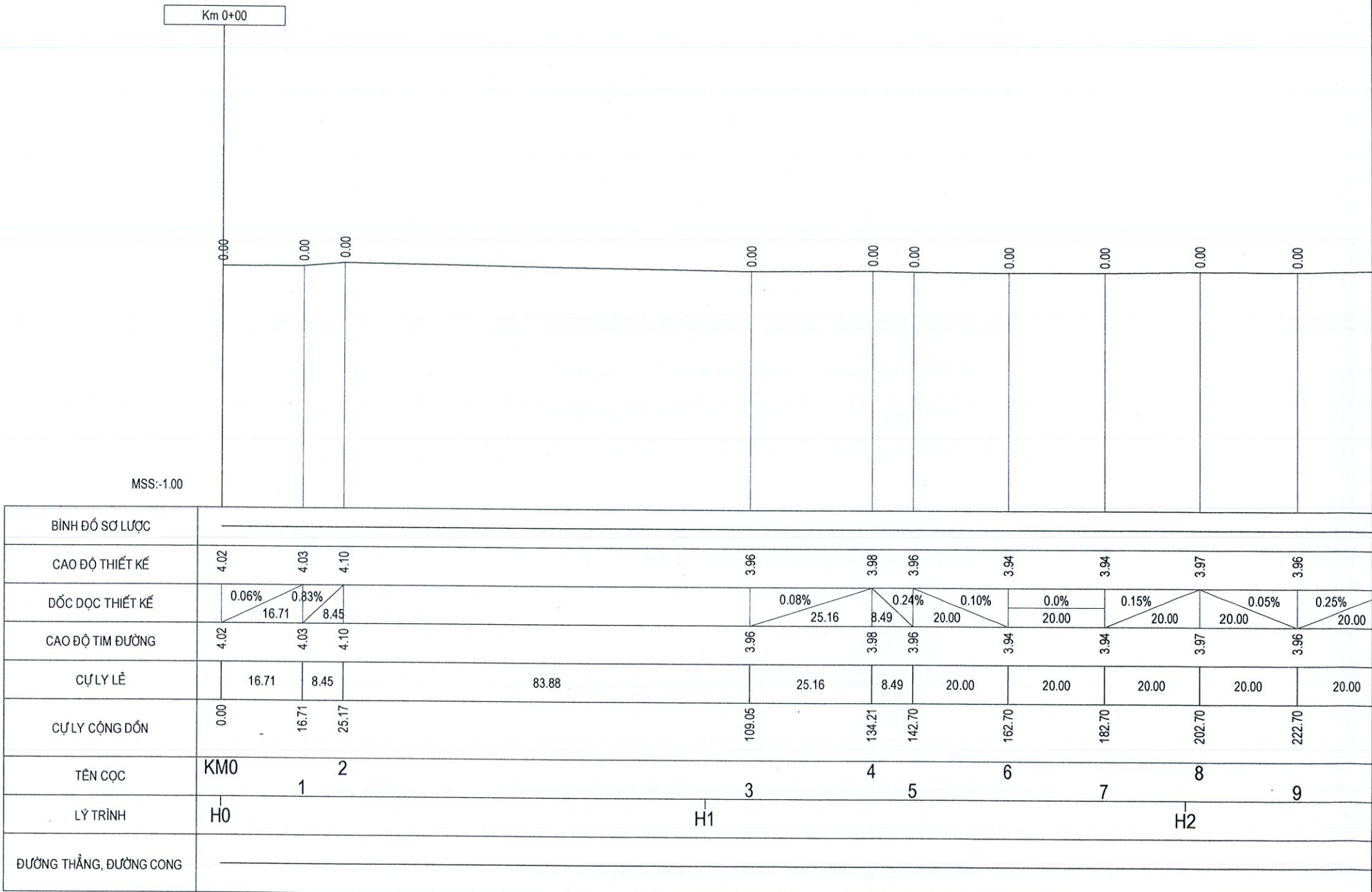
 HUNG LAND Đoàn thiết kế, thi công và giám sát Số 15/331/Đ	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG	 TRẦN VĂN KHUÊ	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ2-02
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P.NAM HỒNG LÍNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG			

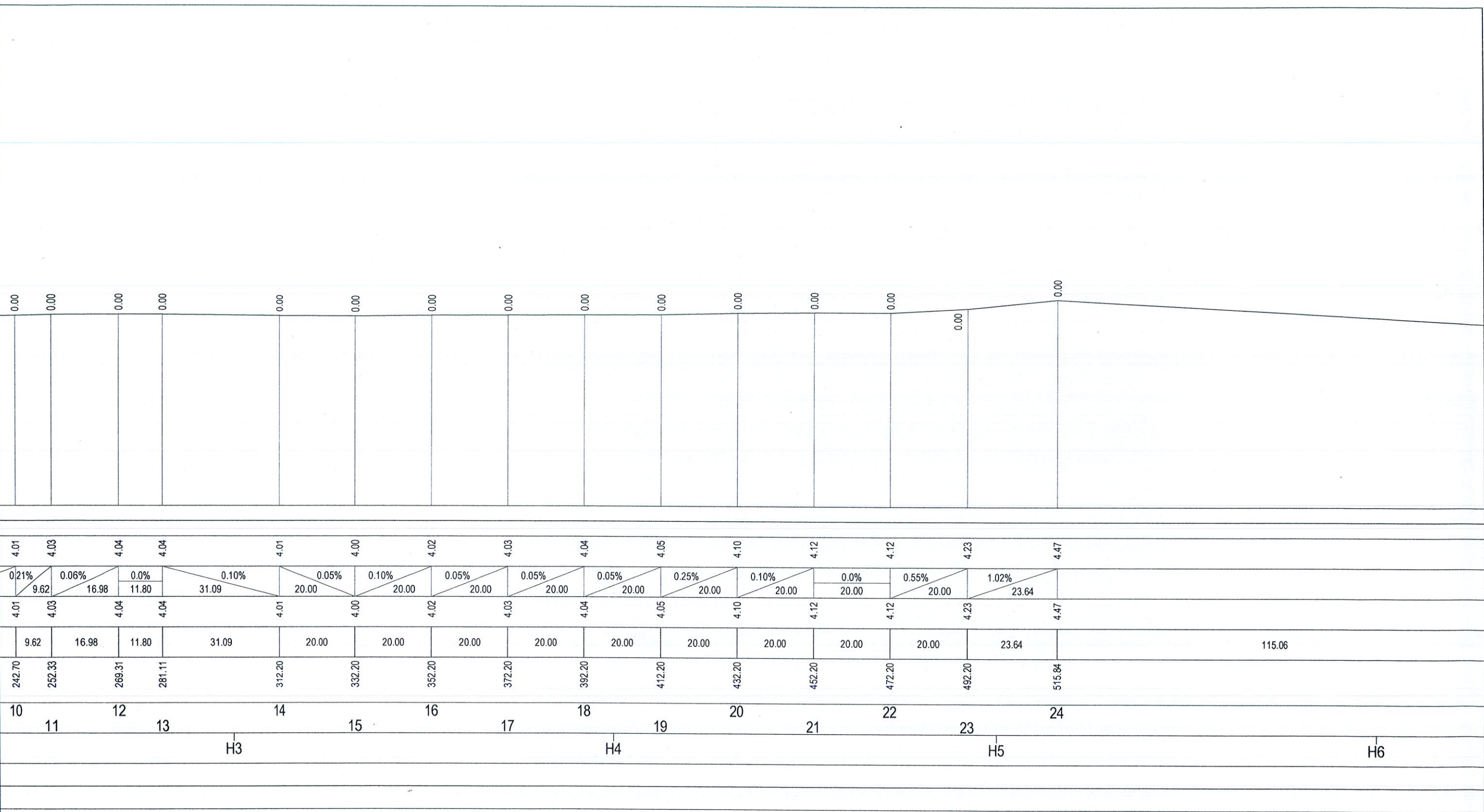


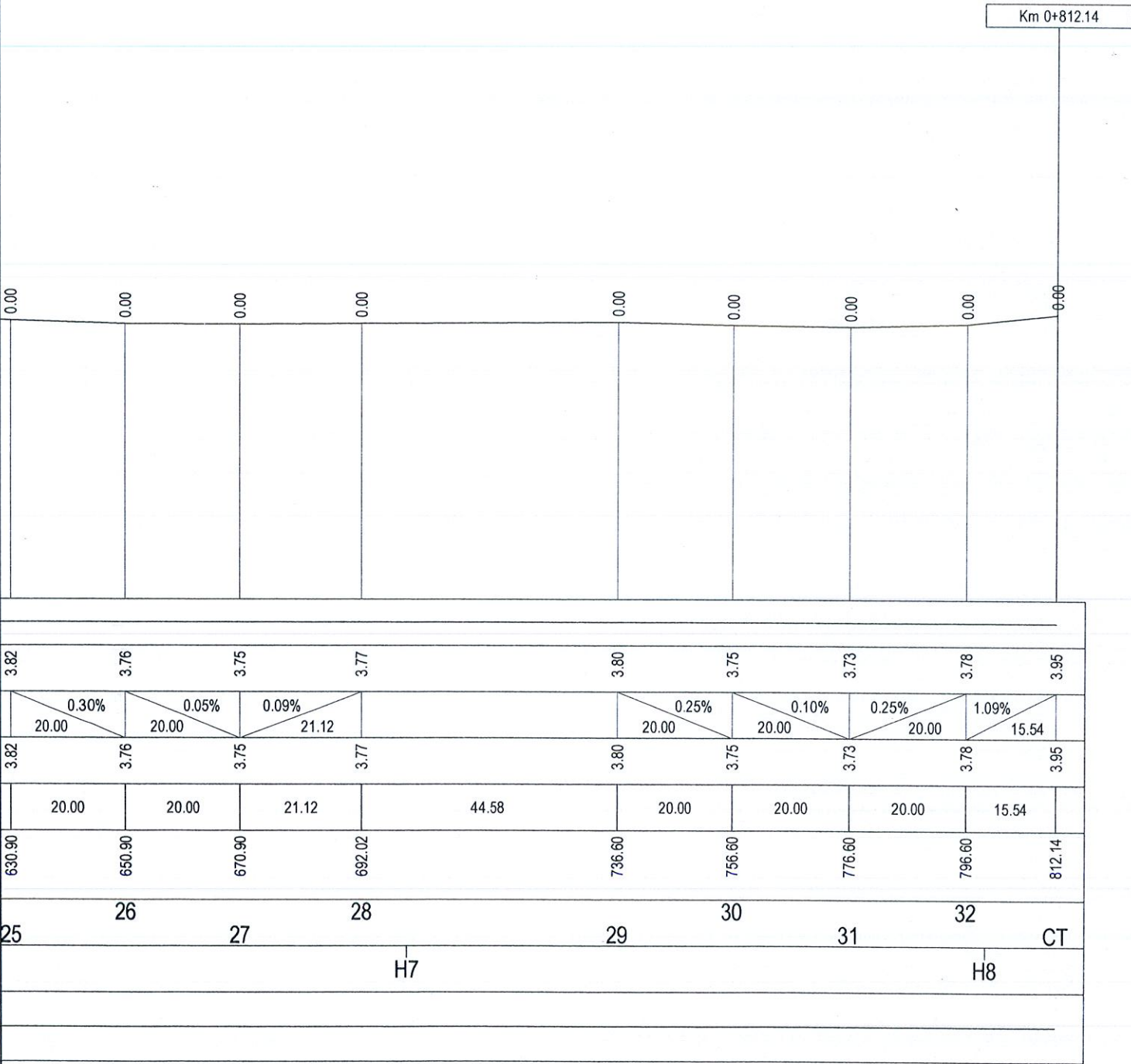
	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LỬ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG			TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ2-03
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO			LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		TRẦN VĂN KHUÊ		



 HUNG LAND Thiết kế - thi công và lắp đặt hệ thống Mở cửa: 10/01/2018	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT0FIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: BDTĐ2-04
	ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH		THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG		TRẦN VĂN KHUÊ	







 HUNG LAND Thiết kế, thi công và lắp đặt hệ thống thoát nước Hotline: 090.1321320	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG		CÔNG TY TNHH HUNG LAND T. N. H. S. S. GIÁM ĐỐC HUNG LAND TX. HỒNG LĨNH T. H. A. H. S. S.		TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN ĐƯỜNG 2	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: TDTĐ2-03		
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		TRẦN VĂN KHUÊ	LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026	
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG					

Vết hữu cơ 0.76 m2
Đánh cấp 0.34 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.42 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 2.74 m

COC:KM0
KM:0+00

MSS:-6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ					3.97	4.02	4.01	3.95	2.43			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ					2.75	2.75	1.50	2.28				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	3.35	3.36	3.36	3.59	3.97	4.02	4.02	4.01	3.83	2.43	2.39	2.36
KHOẢNG CÁCH MIA		2.93	2.57	3.38	3.37	2.75	2.75	1.38	2.40	1.06	3.83	3.59

Vết hữu cơ 0.78 m2
Đánh cấp 0.20 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 2.10 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 2.86 m

COC:2
KM:0+25.17

MSS:-8.00

								4.05	4.10	4.05	3.99	2.40	
								2.81	2.69	1.50	2.38		
0.93	0.95	0.97	0.97	1.25	2.35	3.77	4.05	4.10	4.10	4.05	3.89	3.14	2.41
	2.44	2.02	1.32	0.64	1.86	2.40	1.51	2.81	2.69	1.19	0.49	0.57	9.09

Vết hữu cơ 0.49 m2
Đánh cấp 0.03 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 0.93 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.12 m

COC:1
KM:0+16.71

MSS:-6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ					3.99	4.03	3.99	3.93	3.31			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ					2.79	2.71	1.50	0.93				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	2.11	2.23	2.36	2.42	3.26	3.99	4.03	4.03	3.99	3.92	3.81	3.31
KHOẢNG CÁCH MIA		3.26	3.38	0.66	2.63	2.27	2.79	2.71	1.27	0.64	0.53	0.89

Vết hữu cơ 0.36 m2
Đánh cấp 0.00 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 0.46 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 0.36 m

COC:3
KM:0+109.05

MSS:-7.00

								3.92	3.96	3.92	3.86	3.66	
								2.87	2.63	1.50	0.30		
1.03	1.09	1.15	2.49	3.92	3.96	3.96	3.92	3.82	3.66	3.66	1.56	1.50	1.47
	3.50	3.07	2.69	2.87	2.87	2.63	1.28	0.49	1.23	2.00	0.88	3.45	3.45

Vết hữu cơ 0.38 m2
Đánh cấp 0.02 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 0.62 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 0.49 m

COC:4
KM:0+134.21

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ					3.93	3.98	3.93	3.87	3.80				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ					2.96	2.54	1.50	0.40					
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.99	1.02	1.05	2.35	3.93	3.98	3.98	3.93	3.74	3.60	3.60	1.35	0.97
KHOẢNG CÁCH MIA		3.21	3.08	2.60	3.14	2.96	2.54	1.14	0.26	1.09	2.22	1.43	3.02

Vết hữu cơ 1.08 m2
Đánh cấp 0.59 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.28 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.71 m

COC:6
KM:0+162.70

MSS:-8.00

					3.89	3.94	3.89	3.82	1.22				
					2.98	2.52	1.50	3.91					
	0.84	0.87	0.90	0.90	3.63	3.89	3.94	3.94	3.89	3.82	3.52	1.22	1.20
		2.80	2.80	0.80	3.75	1.87	2.98	2.52	0.40	1.00	3.21	2.44	2.56

Vết hữu cơ 1.06 m2
Đánh cấp 0.58 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.53 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.60 m

COC:5
KM:0+142.70

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						3.92	3.96	3.92	3.86	1.31			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2.95	2.56	1.50	3.83				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.92	0.95	0.98	0.99	2.12	3.63	3.92	3.96	3.92	3.85	3.45	1.31	1.28
KHOẢNG CÁCH MIA		2.57	2.93	0.80	1.64	2.18	1.94	2.95	2.56	0.76	1.14	3.12	0.83

Vết hữu cơ 1.12 m2
Đánh cấp 0.58 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.80 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.93 m

COC:7
KM:0+182.70

MSS:-8.00

						3.91	3.94	3.91	3.85	1.12			
						2.96	2.54	1.50	4.10				
	2.19	2.19	0.91	0.91	0.97	2.22	3.74	3.91	3.94	3.94	3.91	3.44	3.44
		1.91	0.44	3.12	0.71	1.62	2.70	1.53	2.96	2.54	0.40	1.49	3.24

Vết hữu cơ 1.04 m²
Đánh cấp 0.53 m²
Đào móng 0.00 m²
Đắp nền K95 2.68 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.46 m

COC:8
KM:0+202.70

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.94 3.97 3.94 3.88 1.40															
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.01 2.49 1.50 3.71															
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.80	0.83	0.86	2.12	3.75	3.94	3.97	3.97	3.94	3.64	3.50	1.42	1.42	1.36	1.33	1.30
KHOẢNG CÁCH MIA		3.13	2.89	1.83	2.37	1.79	3.01	2.49	0.48	1.75	2.88	1.52	3.09	3.09		

Vết hữu cơ 0.95 m²
Đánh cấp 0.47 m²
Đào móng 0.00 m²
Đắp nền K95 2.80 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 3.91 m

COC:10
KM:0+242.70

MSS:-8.00

3.97																	4.01																	3.97																	3.91																	1.74																																																																																																																																																																																																											
2.99																	2.51																	1.50																	3.25																																																																																																																																																																																																																												
0.84																	0.87																	0.89																	0.94																	2.36																	3.77																	3.97																	4.01																	4.01																	3.97																	3.45																	3.45																	1.74																	1.74																	1.70																	1.67																
2.74																	2.32																	1.18																	1.57																	2.63																	1.58																	2.99																	2.51																	0.75																	1.76																	2.29																	0.88																	3.90																	3.42																																																		

Vết hữu cơ 1.03 m²
Đánh cấp 0.52 m²
Đào móng 0.00 m²
Đắp nền K95 3.07 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.37 m

COC:9
KM:0+222.70

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.92 3.96 3.92 3.86 1.44														
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.01 2.49 1.50 3.63														
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.89	0.91	0.94	2.43	3.76	3.92	3.96	3.96	3.92	3.45	3.45	1.47	1.40	1.40	1.40
KHOẢNG CÁCH MIA		2.90	3.08	2.22	1.98	1.81	3.00	2.50	0.20	1.69	2.63	1.28	3.11	3.59	

Vết hữu cơ 0.63 m²
Đánh cấp 0.15 m²
Đào móng 0.00 m²
Đắp nền K95 2.06 m²
Bù vênh 0.00 m²
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.98 m

COC:11
KM:0+252.33

MSS:-8.00

3.99																	4.03																	3.99																	3.93																	2.83																																																																																																																																																																																																																												
2.94																	2.56																	1.50																	1.65																																																																																																																																																																																																																																													
0.85																	0.85																	0.85																	0.93																	2.31																	3.78																	3.99																	4.03																	4.03																	3.99																	3.45																	3.21																	3.21																	1.87																	1.87																	1.84																	1.82																
2.30																	2.60																	1.45																	2.04																	2.16																	1.52																	2.94																	2.56																	0.22																	1.42																	0.62																	3.12																	1.27																	3.04																	2.74																																																		

Vết hữu cơ 1.00 m2
Đánh cấp 0.47 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 2.43 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 4.18 m

COC:12
KM:0+269.31

1.36% 1.57% 4%
0.06
1:1.50

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.00 4.04 4.00 3.94 1.62																	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ								2.95	2.55	1.50	3.48							
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.86	0.89	0.91	0.96	2.19	3.79	4.00	4.04	4.04	4.00	3.96	3.94	2.22	1.12	0.96	0.96	2.35	2.35
KHOẢNG CÁCH MIA		3.04	2.74	0.58	1.83	2.37	1.49	2.95	2.55	0.82	0.83	0.63	2.35	1.99	1.12	2.77	0.92	1.76

Vết hữu cơ 1.20 m2
Đánh cấp 0.66 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 4.38 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 5.38 m

COC:14
KM:0+312.20

1.73% 1.91% 4%
0.06
1:1.50

MSS:-8.00

																	3.96	4.01	3.96	3.90				0.92			
																	2.88	2.62	1.50	4.48							
0.89	0.92			0.94	0.99	2.34	3.76	3.96	4.01	4.01	3.96	3.96	3.35	0.92	0.90			0.87									
	2.94	2.58	0.84	2.61	1.59	1.55	2.88	2.62	0.84	1.33	3.54	3.41	3.71														

Vết hữu cơ 1.16 m2
Đánh cấp 0.58 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.10 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 5.18 m

COC:13
KM:0+281.11

1.34% 1.58% 4%
0.06
1:1.50

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	4.00														4.04	4.00	3.94	1.07			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.98	2.52	1.50	4.31											
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.89	0.91	0.94	2.30	3.78	4.00	4.04	4.04	4.00	3.98	3.35	3.35	2.21	1.07	1.04	1.02					
KHOẢNG CÁCH MIA		3.15	3.21	2.01	2.19	1.47	2.98	2.52	0.69	0.70	1.12	1.91	1.91	3.62	3.14						

Vết hữu cơ 1.17 m2
Đánh cấp 0.71 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.25 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 5.24 m

COC:15
KM:0+332.20

1.73% 1.91% 4%
0.06
1:1.50

MSS:-8.00

														3.95	4.00	3.95	3.89	0.99				
							2.88	2.62	1.50	4.36												
0.95	0.98		1.00	2.54	3.80	3.95	4.00	4.00	3.95	3.98	3.29	3.29	0.99	0.96		0.94						
	3.38	2.96	2.36	1.94	1.47	2.88	2.62	0.51	0.55	1.08	2.95	3.74	3.32									

Vết hữu cơ 0.44 m2
Đánh cấp 0.10 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.05 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 0.87 m

COC:16
KM:0+352.20

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ							3.98	4.02	3.98	3.92	3.44			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.85	2.65	1.50	0.72				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.96	0.98	1.01	2.24	3.82	3.98	4.02	4.02	3.98	3.98	3.44	3.44	0.98	0.96
KHOẢNG CÁCH MIA		2.99	3.35	1.94	2.48	1.40	2.85	2.65	0.62	0.36	1.38	3.09	3.45	3.45

Vết hữu cơ 0.47 m2
Đánh cấp 0.06 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.19 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.03 m

COC:18
KM:0+392.20

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ							4.01	4.04	4.01	3.95	3.38			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.72	2.78	1.50	0.86				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.96	0.99	1.01	2.45	3.79	4.01	4.04	4.04	4.01	4.01	3.98	3.38	0.96	0.94
KHOẢNG CÁCH MIA		3.36	3.18	2.75	1.67	1.32	2.72	2.78	0.67	0.70	0.83	3.28	3.25	3.31

Vết hữu cơ 0.44 m2
Đánh cấp 0.05 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 0.82 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 0.83 m

COC:17
KM:0+372.20

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ							3.99	4.03	3.99	3.93	3.47			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.79	2.71	1.50	0.89				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.97	1.00	1.02	2.57	3.79	3.99	4.03	4.03	3.99	4.03	3.47	3.47	0.97	0.95
KHOẢNG CÁCH MIA		3.16	3.16	2.54	2.00	1.36	2.79	2.71	0.94	0.77	1.17	3.27	3.19	3.55

Vết hữu cơ 0.50 m2
Đánh cấp 0.10 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.58 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.19 m

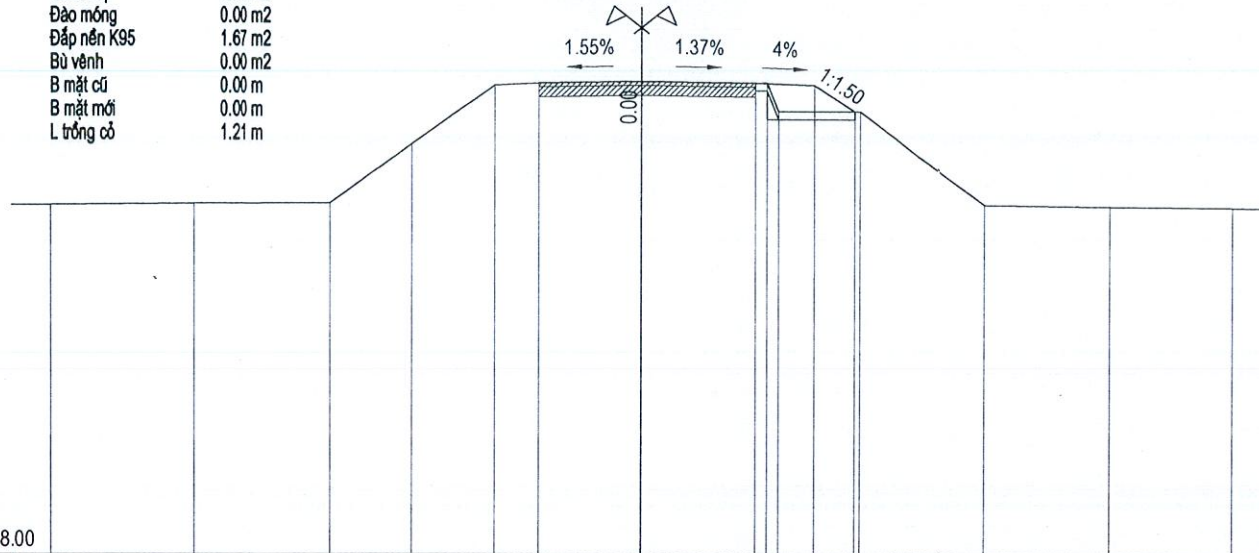
COC:19
KM:0+412.20

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ							4.01	4.05	4.01	3.95	3.29			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.65	2.85	1.50	0.99				
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.95	0.98	1.00	2.25	3.87	4.01	4.05	4.05	4.01	4.01	3.29	0.95	0.93	0.90
KHOẢNG CÁCH MIA		3.53	3.41	1.83	2.37	1.21	2.65	2.85	0.27	0.27	1.88	3.22	3.17	3.23

Vết hữu cơ 0.50 m2
Đánh cấp 0.11 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.67 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.21 m

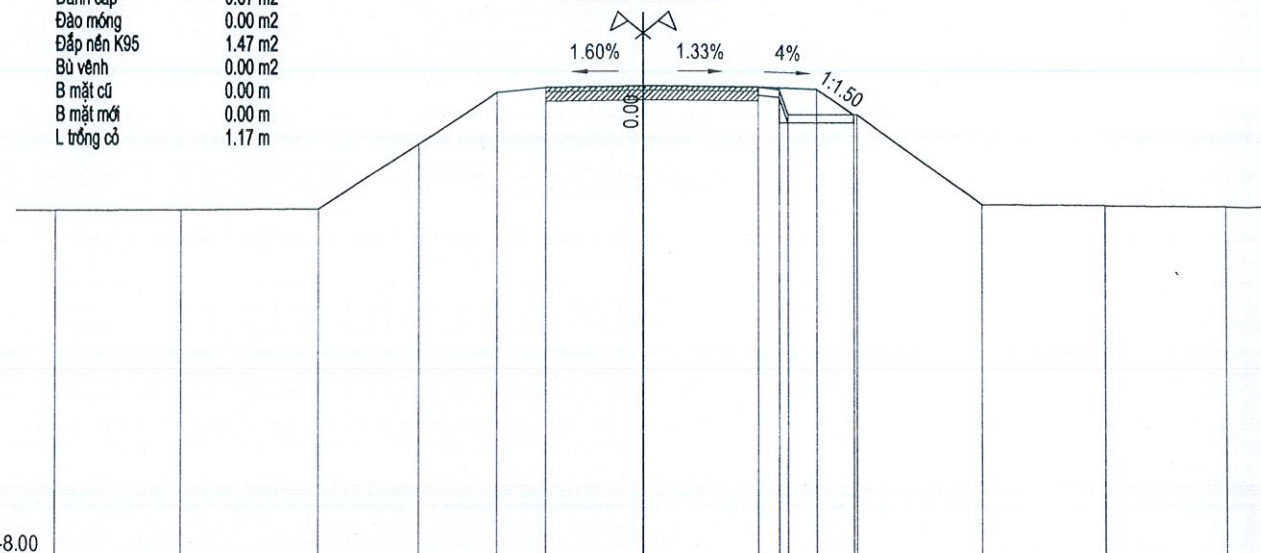
COC:20
KM:0+432.20



CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.06	4.10	4.06	4.00	3.33			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.59	2.91	1.50	1.01			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.94	0.97	0.99	2.50	4.00	4.06	4.10	4.10	4.06	4.03	3.33	0.96	0.93
KHOẢNG CÁCH MIA		3.61	3.49	2.10	2.10	1.11	2.59	2.91	0.93	2.05	3.17	3.17	3.11

Vết hữu cơ 0.49 m2
Đánh cấp 0.07 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.47 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.17 m

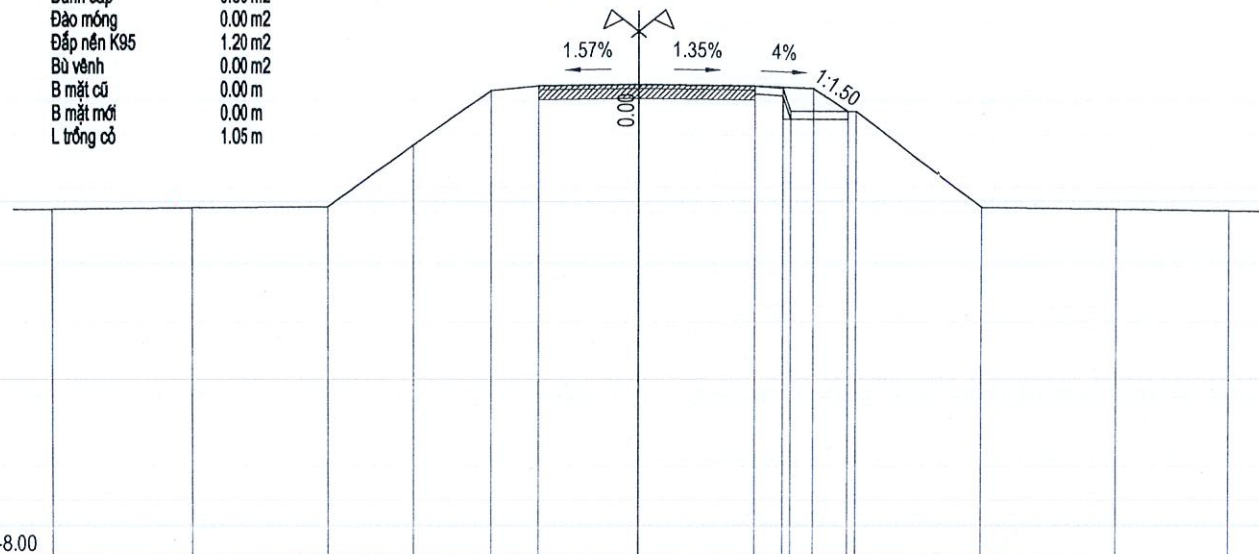
COC:22
KM:0+472.20



CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.08	4.12	4.08	4.02	3.37			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.50	3.00	1.50	0.98			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.92	0.94	0.97	2.64	3.96	4.08	4.12	4.12	4.08	4.02	3.37	1.08	1.05
KHOẢNG CÁCH MIA		3.20	3.50	2.55	2.01	1.25	2.50	3.00	0.93	1.81	3.21	3.15	3.09

Vết hữu cơ 0.47 m2
Đánh cấp 0.06 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 1.20 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 1.05 m

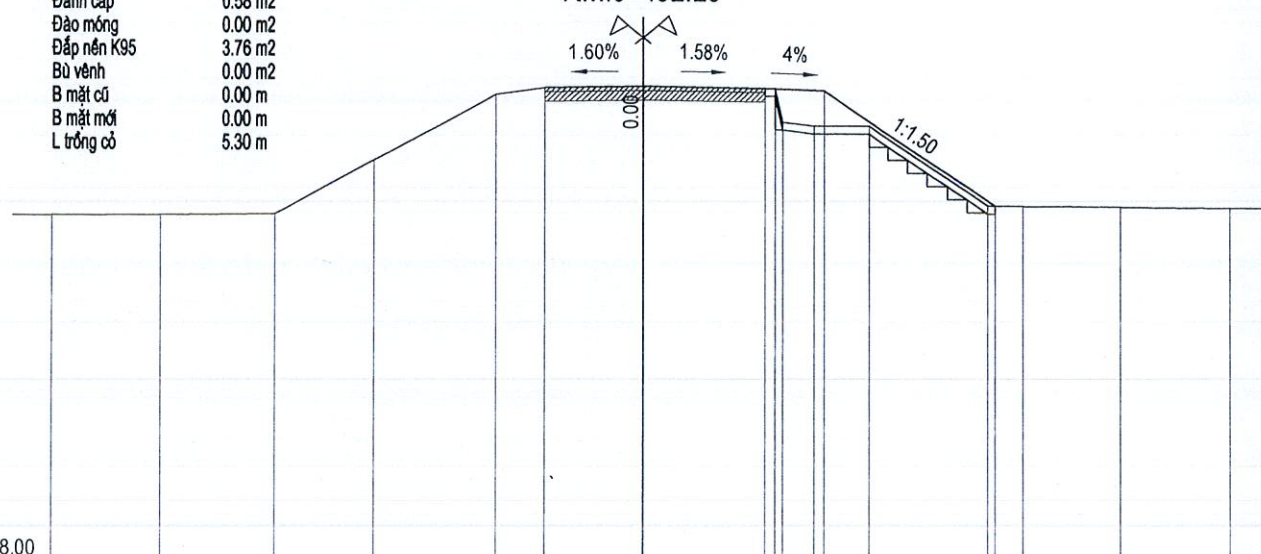
COC:21
KM:0+452.20



CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.08	4.12	4.08	4.02	3.44			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.54	2.96	1.50	0.87			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.93	0.96	0.98	2.56	3.96	4.08	4.12	4.12	4.08	4.03	3.44	1.02	0.99
KHOẢNG CÁCH MIA		3.56	3.50	2.22	1.98	1.20	2.54	2.96	0.72	1.65	3.21	3.40	2.86

Vết hữu cơ 1.18 m2
Đánh cấp 0.58 m2
Đào móng 0.00 m2
Đắp nền K95 3.76 m2
Bù vênh 0.00 m2
B mặt cũ 0.00 m
B mặt mới 0.00 m
L trồng cỏ 5.30 m

COC:23
KM:0+492.20



CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.19	4.23	4.18	4.12	1.18			
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ							2.50	3.16	1.50	4.41			
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.91	0.93	0.96	2.34	4.02	4.19	4.23	4.23	4.18	4.18	3.22	1.18	1.13
KHOẢNG CÁCH MIA		2.75	2.87	2.55	3.09	1.24	2.50	3.16	0.82	1.43	3.04	0.90	2.76

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L trồng cỏ

0.57 m2
0.13 m2
0.00 m2
1.93 m2
0.00 m2
0.00 m
0.00 m
1.60 m

COC:24
KM:0+515.84

1.36% 1.18% 4% 1:1.50

MSS:-8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						4.42	4.47	4.42	4.36	3.47				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						3.67	4.22	1.50	1.33					
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	0.85	0.88	0.90	2.46	4.31	4.42	4.47	4.44	4.42	3.96	3.87	3.47	1.62	1.60
KHOẢNG CÁCH MIA		2.29	2.29	2.27	2.69	1.78	3.67	2.20	2.02	0.81	0.75	1.08	2.30	2.55

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L trồng cỏ

0.55 m2
0.13 m2
0.00 m2
1.42 m2
0.00 m2
0.00 m
0.00 m
1.49 m

COC:26
KM:0+650.90

1.01% 1.19% 4% 1:1.50

MSS:-7.00

						3.73	3.76	3.73	3.67	2.84				
						2.98	2.52	1.50	1.24					
	1.74	1.76	1.79	2.75	3.63	3.73	3.76	3.76	3.73	3.74	3.10	3.10	1.45	1.43
		3.06	3.36	2.24	2.06	1.31	2.98	2.52	0.54	1.50	3.07	3.45	3.69	

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L trồng cỏ

0.73 m2
0.23 m2
0.00 m2
2.11 m2
0.00 m2
0.00 m
0.00 m
2.57 m

COC:25
KM:0+630.90

1.35% 0.79% 4% 1:1.50

MSS:-7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						3.78	3.82	3.80	3.74	2.31				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						2.97	2.53	1.50	2.14					
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.80	1.82	1.84	1.85	2.66	3.63	3.78	3.82	3.82	3.80	3.64	2.95	1.56	1.54
KHOẢNG CÁCH MIA		2.40	2.58	1.76	1.78	2.13	1.38	2.97	2.53	0.76	1.30	2.91	1.99	2.81

Vết hữu cơ
Đánh cấp
Đào móng
Đắp nền K95
Bù vênh
B mặt cũ
B mặt mới
L trồng cỏ

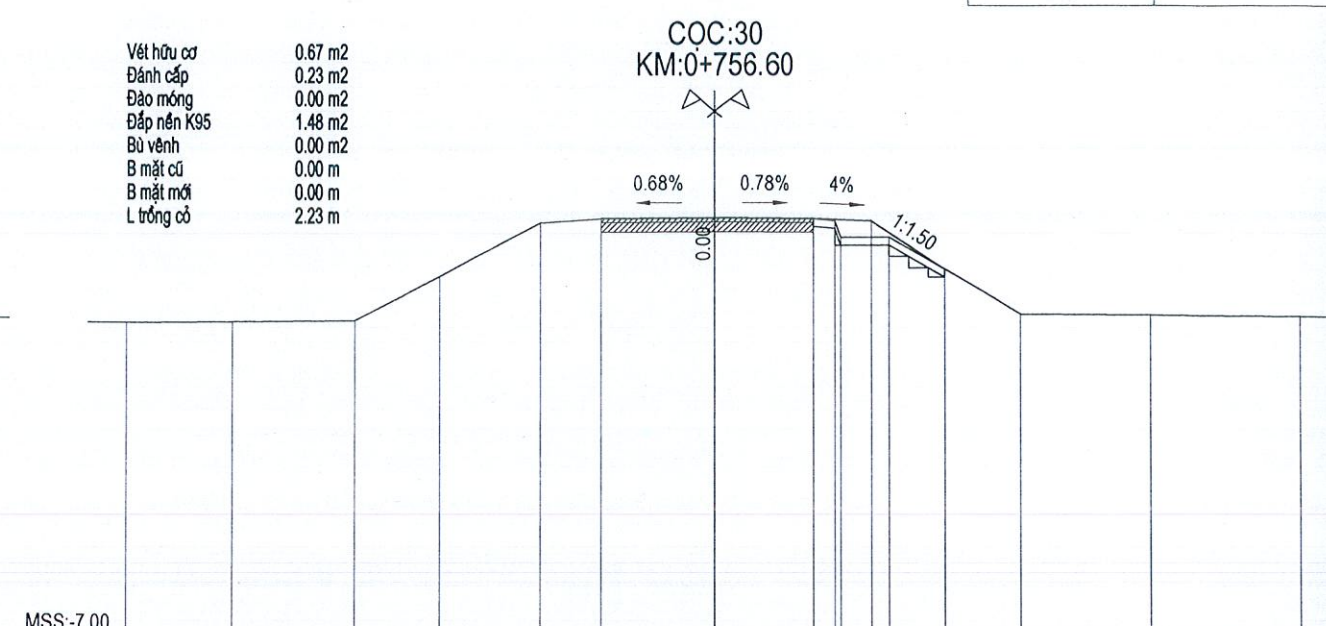
0.69 m2
0.20 m2
0.00 m2
1.76 m2
0.00 m2
0.00 m
0.00 m
2.35 m

COC:27
KM:0+670.90

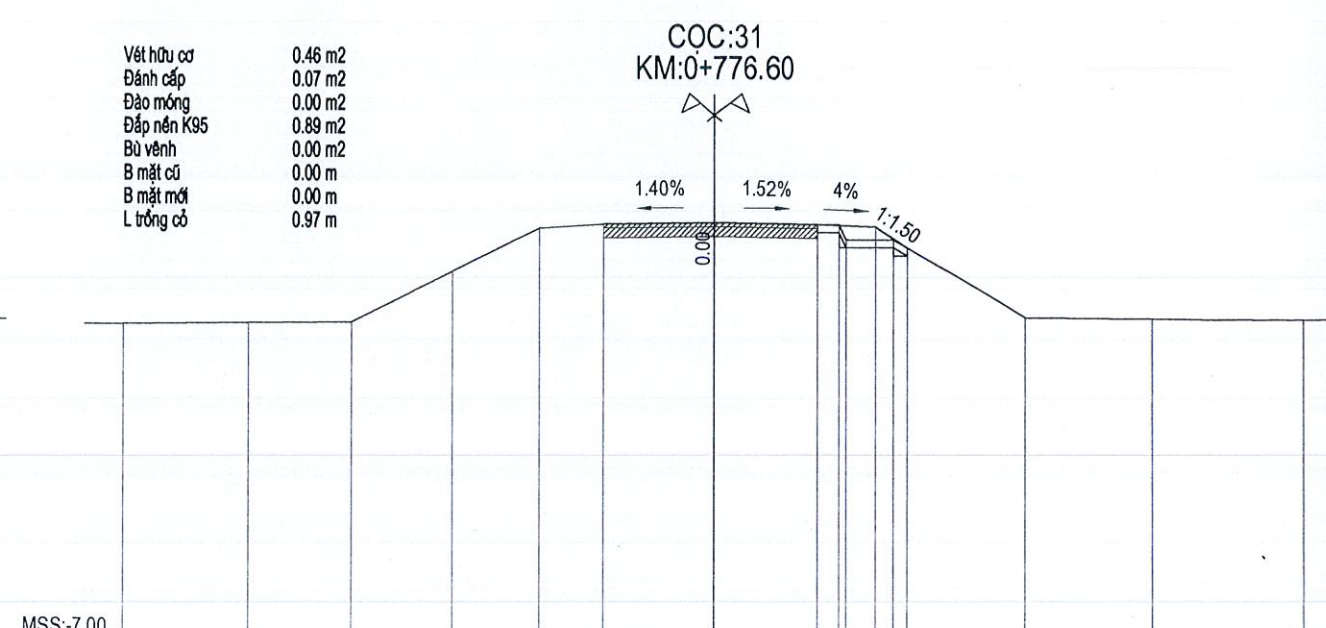
1.02% 1.18% 4% 1:1.50

MSS:-7.00

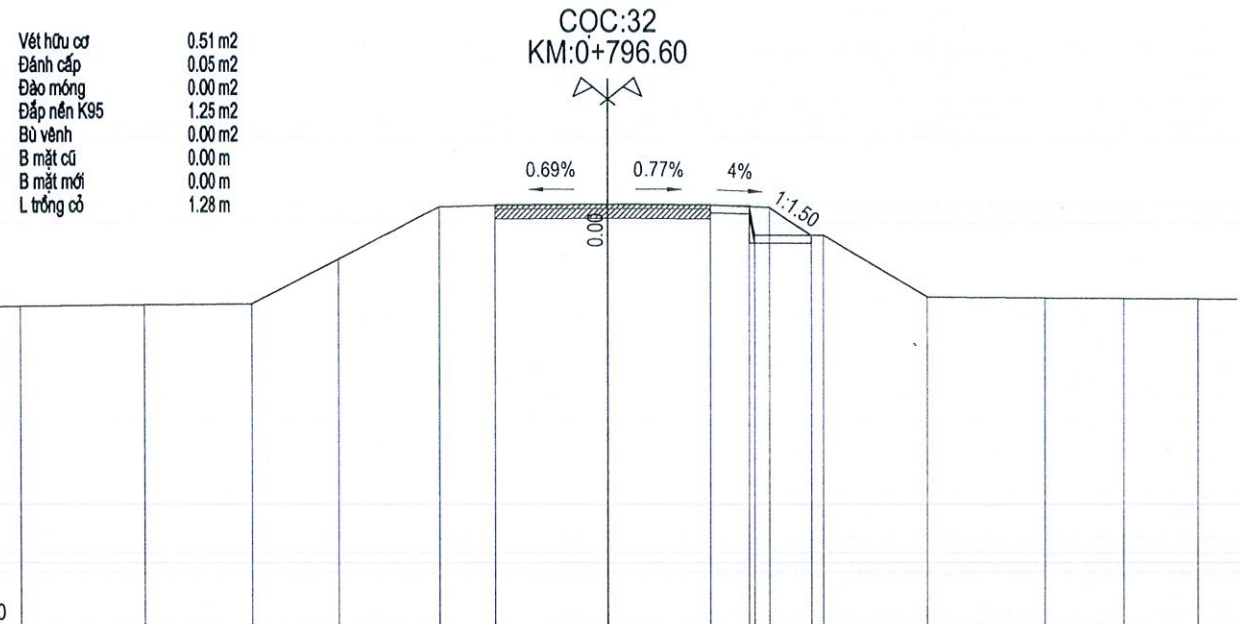
						3.72	3.75	3.72	3.66	2.35				
						2.95	2.55	1.50	1.96					
	1.68	1.70	1.73	2.82	3.67	3.72	3.75	3.75	3.72	3.69	3.06	3.06	1.36	1.33
		2.98	3.34	2.42	1.88	1.42	2.95	2.55	0.63	1.37	3.20	3.65	3.47	



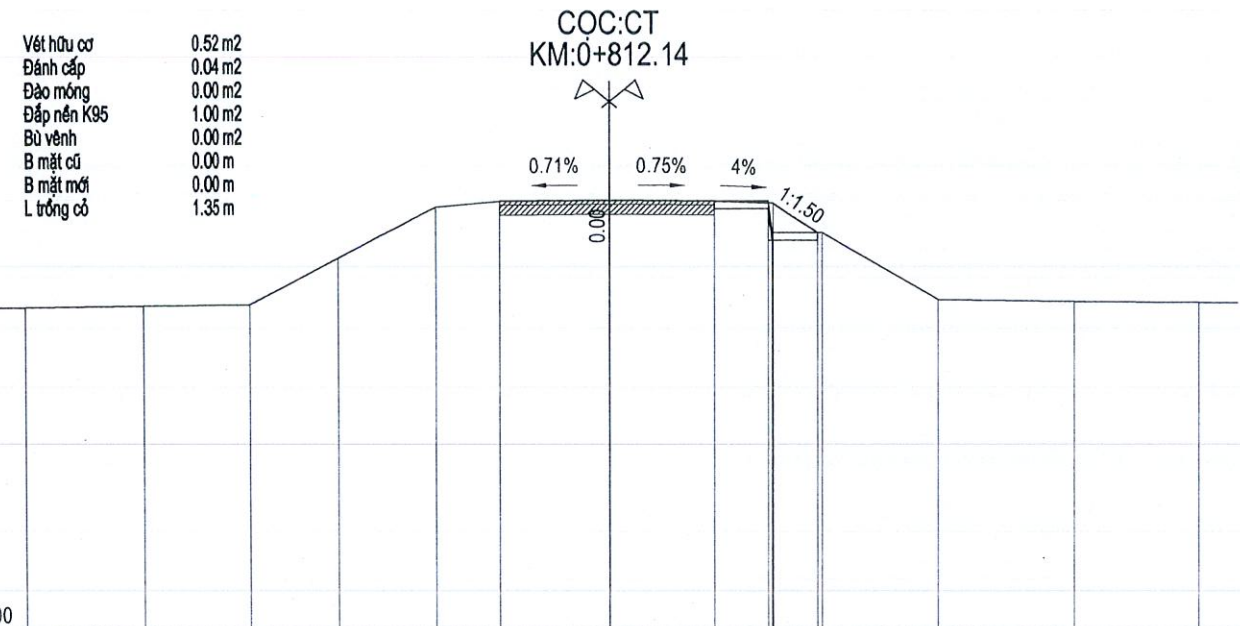
1.06	1.08	1.11	2.25	3.62	3.73	2.94	3.75	3.75	3.73	3.68	3.25	3.25	1.29	1.27	1.24
2.69	3.11	2.16	2.58	1.52	2.94	2.56	0.57	1.21	3.38	3.35	3.77				
							3.73	3.75	3.73	3.67	2.44				



1.13	1.16	1.18	2.48	3.59	3.69	2.86	3.73	3.73	3.69	3.69	3.30	3.30	1.33	1.31	1.28
3.17	2.63	2.55	2.19	1.59	2.86	2.64	0.59	1.18	3.38	3.25	3.79				



CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.76 3.78 3.76 3.70 2.99													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.89 2.61 1.50 1.06													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.20	1.23	1.25	2.39	3.72	3.76	3.78	3.78	3.76	3.74	2.99	2.99	1.42	1.40
KHOẢNG CÁCH MIA	3.13	2.83	2.20	2.55	1.40	2.89	2.61	0.99	0.44	1.74	2.63	3.01	2.00	1.88



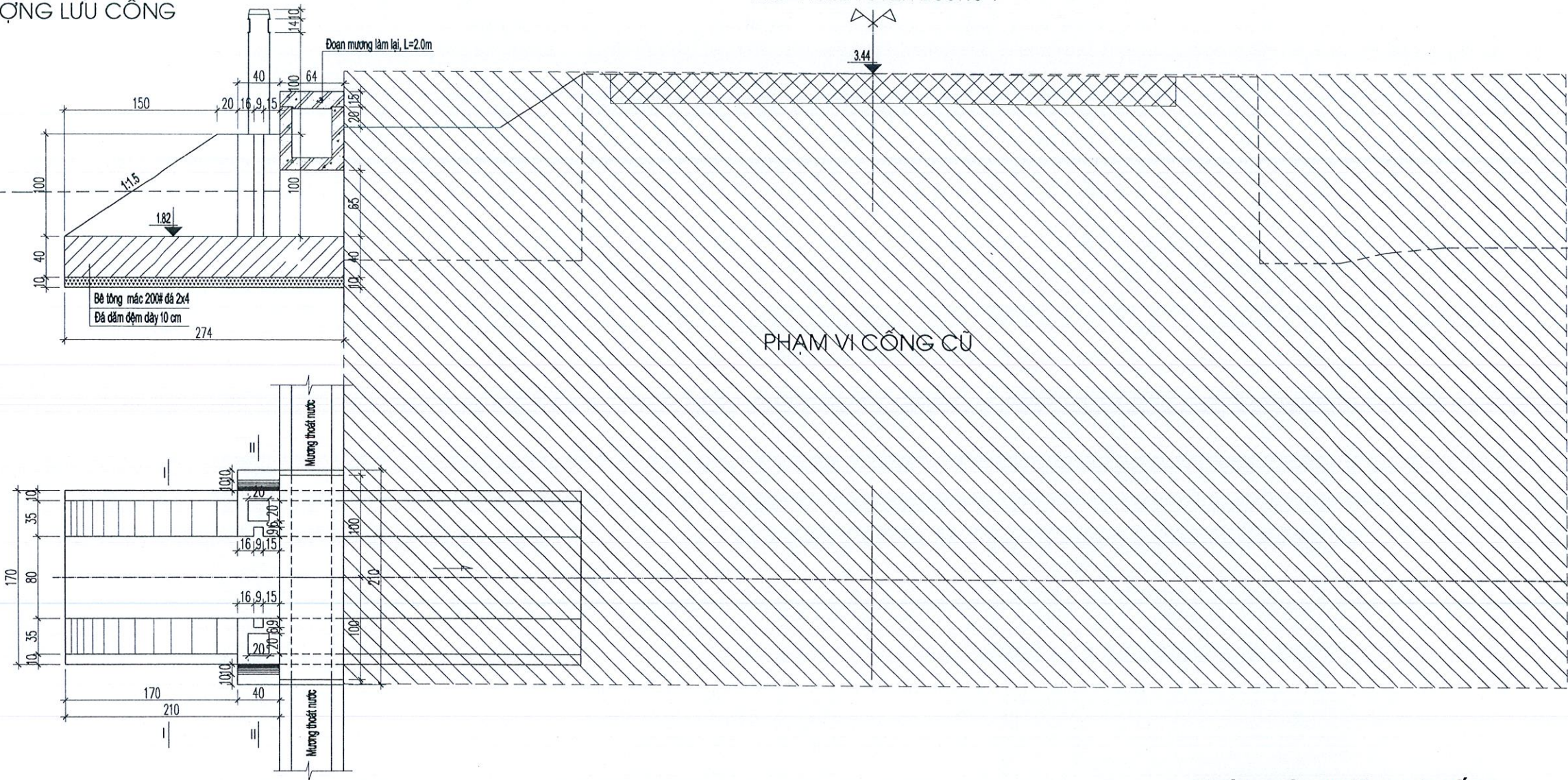
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	3.93 3.95 3.93 3.87 3.12													
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.83 2.67 1.50 1.12													
CAO ĐỘ THIÊN NHIÊN	1.25	1.28	1.30	2.48	3.78	3.93	3.95	3.95	3.93	3.93	3.12	3.12	1.41	1.38
KHOẢNG CÁCH MIA	2.99	2.81	2.26	2.50	1.61	2.83	2.67	1.37	0.44	1.26	2.95	3.47	3.17	

HẠNG MỤC: CỬA LẤY NƯỚC

CẮT ĐỌC CỬA LẤY NƯỚC CỐNG BẢN C1-B=0.80M

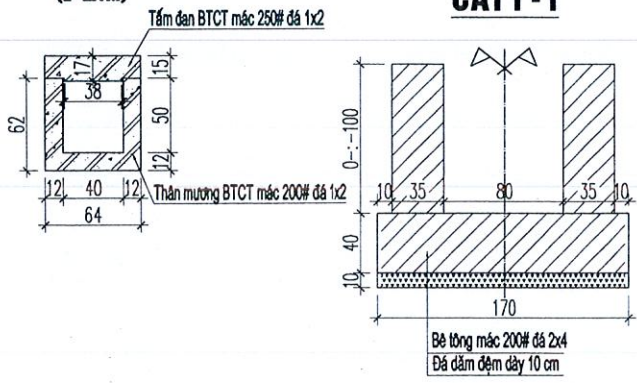
KM0+176.35 TUYẾN ĐƯỜNG 1

THƯỢNG LƯU CỐNG

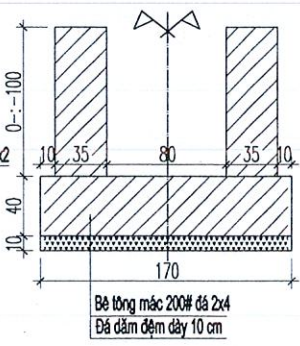


MẶT BẰNG CỬA LẤY NƯỚC

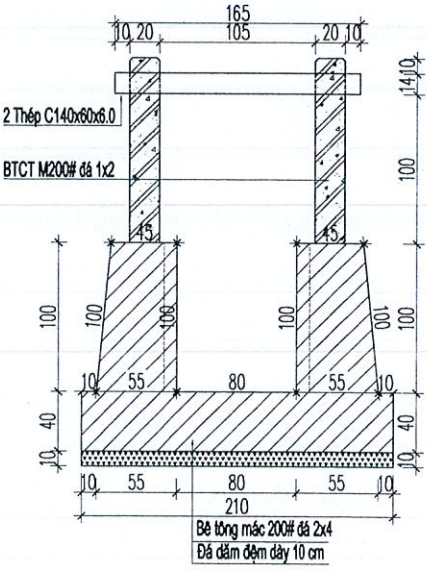
CHI TIẾT MƯƠNG LÀM LẠI
(L=2.1M)



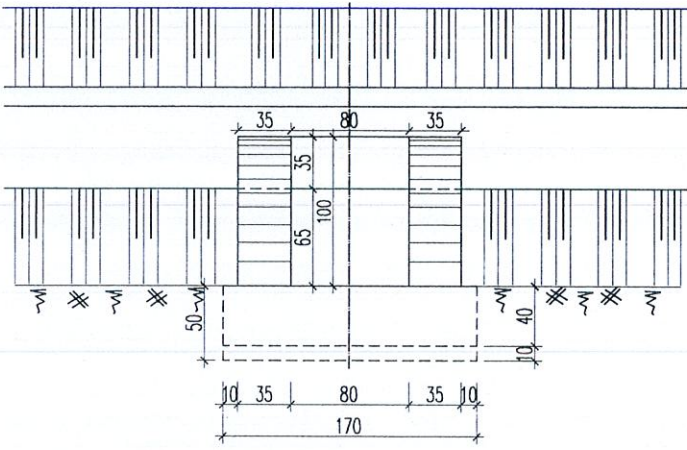
CẮT I - I



CẮT II - II



CHÍNH DIỆN THƯỢNG LƯU CỐNG



GHI CHÚ:
* Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m.



TÊN BẢN VẼ:
CỬA LẤY NƯỚC CỐNG BẢN C1-B=0.80M

TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOTIT
LẦN XUẤT BẢN: 01
KỶ HIỆU HỒ SƠ: CB1-01
HOÀN THÀNH: /2026

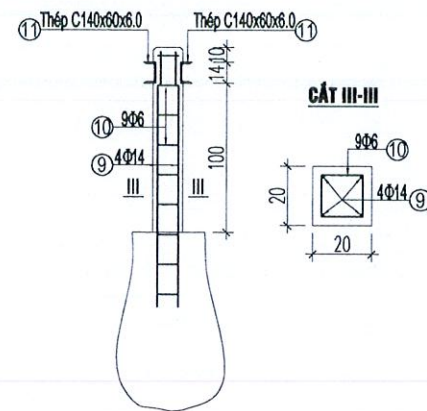
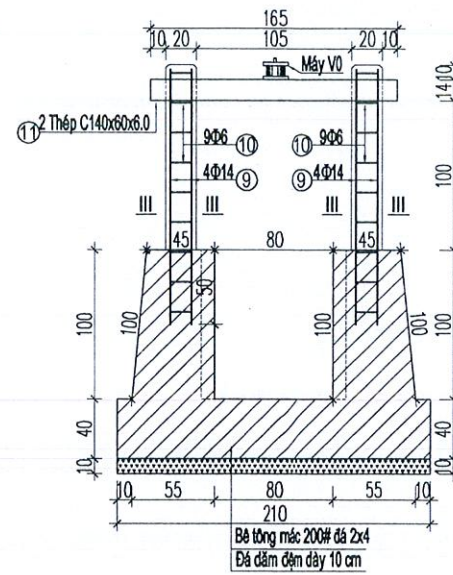


ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH
CÔNG TY TNHH HUNG LAND
ĐỊA CHỈ: TDP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH

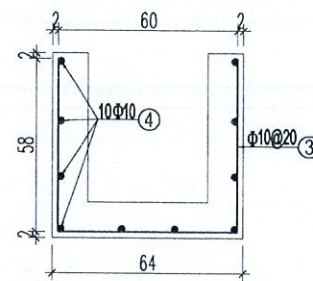
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU)
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG	
THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG	
THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO	
KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG	

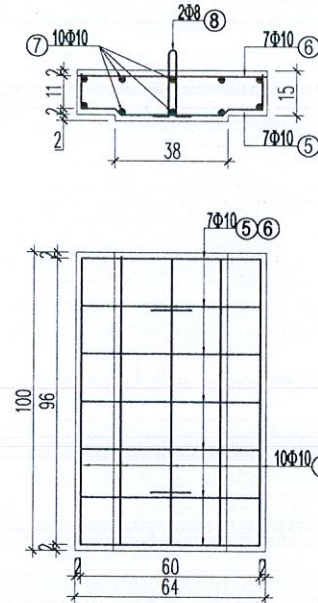
BỐ TRÍ THÉP DÀN CỬA VAN



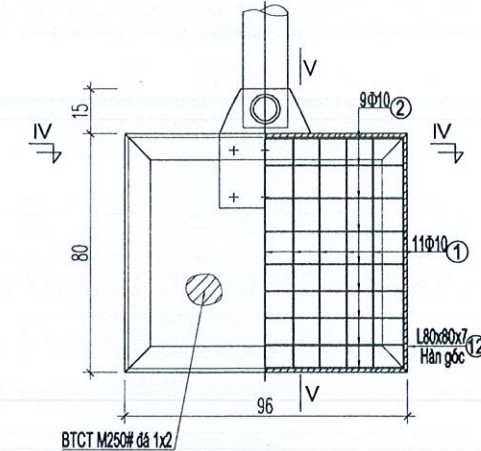
BỐ TRÍ THÉP MƯỜNG LÂM LẠI (L=2.1M)



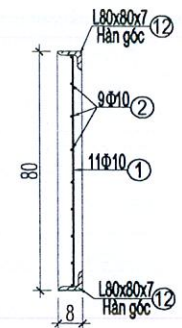
BỐ TRÍ THÉP TẤM BAN



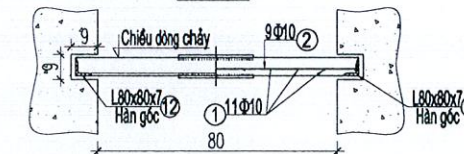
CÁNH CỬA



CẮT V-V

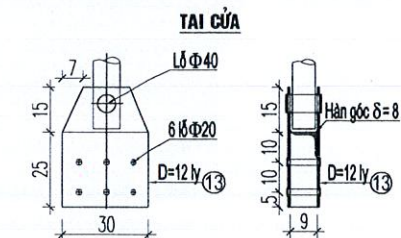


CẮT IV-IV



BẢNG THỐNG KÊ THÉP CỦA LẤY NƯỚC

KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C. DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C. DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				THANH 1CK	TOÀN BỘ		
1	50 780 50	Ø 10	880	11	11	9.68	5.97
2	50 940 50	Ø 10	1040	9	9	9.36	5.78
3	580 600 580	Ø 10	1760	11	11	19.36	11.94
4	2100	Ø 10	2100	10	10	21.00	12.95
5	130 110 110 130	Ø 10	880	7	14	12.32	7.60
6	30 340 30 600	Ø 10	600	7	14	8.40	5.18
7	960	Ø 10	960	10	20	19.20	11.84
8	40 190 190 50	Ø 8	720	2	4	2.88	1.14
9	100 100 1500 30 210	Ø 14	1740	4	8	13.92	16.82
10	210 160 210 160	Ø 6	740	9	18	13.32	2.96
11	Dầm đỡ máy V0: C140x60x6.0 (16.50kg/m)		1650	1	2	3.30	54.45
12	Khung cửa: L80x80x7 (8.51kg/m)		3520	1	1	3.52	29.96
13	Tai cửa (thép tấm), d=12mm: (94.20kg/m2)		0.12	1	2	0.24	22.61
14	Bu lông M18			6	6		
15	Máy đóng mở V0			1	1		



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH
CÔNG TY TNHH HUNG LAND
ĐỊA CHỈ: TDP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH

**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ BƯỜNG VƯỢT LỬ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI BƯỜNG TX 20 (BƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU)**
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ TRÌ: KS. PHẠM THANH THẮNG
THIẾT KẾ: KS. PHẠM THANH THẮNG
THỂ HIỆN: KS. NGUYỄN VĂN BẢO
KIỂM TRA: KS. PHẠM THANH THẮNG



TÊN BẢN VẼ: CỬA LẤY NƯỚC CỐNG BẢN C1-B=0.80M
TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT
KÝ HIỆU HỒ SƠ: CB1-02
LẦN XUẤT BẢN: 01
HOÀN THÀNH: /2026

KM0+316.20 TUYẾN ĐƯỜNG 1

PHẠM VI CÔNG CỤ

CẮT I - I

CẮT II - II

Technical drawing of a reinforced concrete structure, likely a bridge pier or abutment, showing a cross-section with dimensions and material specifications.

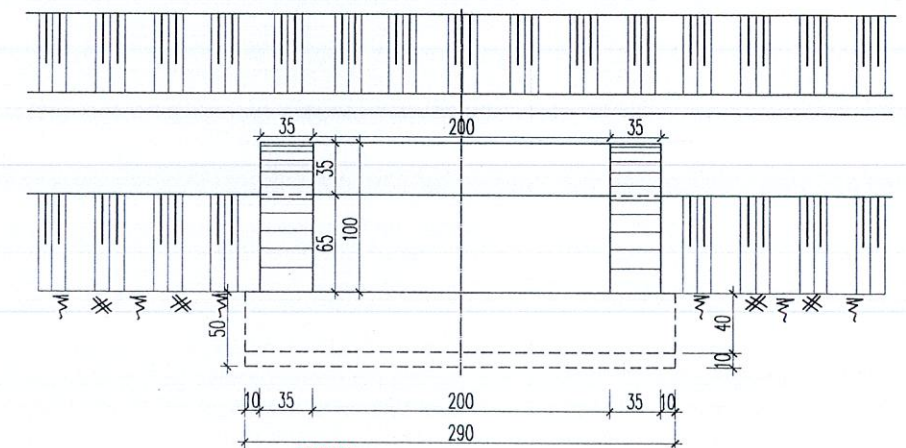
Dimensions (mm):

- Top width: 285
- Top edge offset: 10, 20 (left) and 20, 10 (right)
- Base width: 330
- Base offset: 10, 55 (left) and 55, 10 (right)
- Height of main body: 100
- Height of top section: 45
- Height of base section: 40
- Height of reinforcement layer: 10

Material Specifications:

- 2 Thép C140x60x6.0
- BTCT M200# đá 1x2
- Bê tông mác 200# đá 2x4
- Đá dăm mềm dày 10 cm

CHÍNH DIỆN THƯỢNG LƯU CÔNG



GHI CHÚ:
* Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m.



HUNGLOK
 10000 Hung Lok Rd, #100, Houston, TX 77057
 Tel: 281.465.1188

CÔNG TY TNHH HÙNG LAND
ĐỊA CHỈ: TDP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH

BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

KIỂM TRA	KS. PHAM THANH THẮNG
----------	----------------------

HUNG LANG

CỬA LẤY NƯỚC CỐNG BẢN C2-B=2.0M

TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: CB2-01
-------------------------	-----------------------

LẤY XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
------------------	-------------------

TRẦN VĂN KHUÊ

Technical drawing of a reinforced concrete structure, likely a bridge pier or abutment, showing a cross-section with dimensions and reinforcement details.

Dimensions:

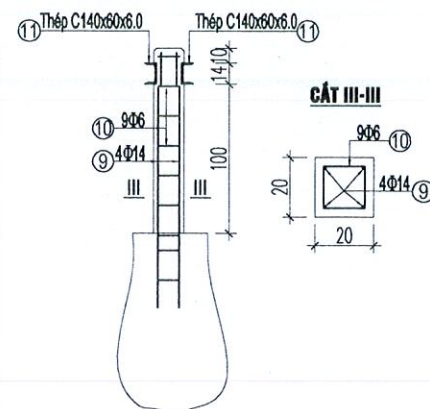
- Top width: 285
- Top opening width: 225
- Top corner radius: 10, 20
- Height: 1410
- Base width: 330
- Base layer thickness: 10
- Base layer dimensions: 10, 55, 200, 55, 10
- Internal width: 200
- Internal height: 100
- Internal corner radius: 45

Reinforcement Details:

- Top reinforcement: 2 Thép C140x60x6.0
- Top bars: 9Ø6
- Middle bars: 4Ø14
- Bottom bars: 9Ø6

Labels:

- Máy V0
- Bê tông mác 200# đã 2x4
- Đã đầm dẽm dày 10 cm



KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C.ĐÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C.ĐÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				THANH 1 CK	TOÀN BỘ		
1		Ø 10	880	23	23	20.24	12.48
2		Ø 10	2240	9	9	20.16	12.43
3		Ø 10	1760	18	18	31.68	19.53
4		Ø 10	3300	10	10	33.00	20.35
5		Ø 10	880	7	21	18.48	11.40
6		Ø 10	600	7	21	12.60	7.77
7		Ø 10	960	10	30	28.80	17.76
8		Ø 8	720	2	6	4.32	1.71
9		Ø 14	1740	4	8	13.92	16.82
10		Ø 6	740	9	18	13.32	2.96
11	Dầm đỡ máy V0: C140x60x6.0 (16.50kg/m)		2850	1	2	5.70	94.05
12	Khung cửa: L80x80x7 (8.51kg/m)		6020	1	1	6.02	51.23
13	Tai cửa (thép tấm), d=12mm: (94.20kg/m2)		0.12	1	2	0.24	22.61
14	Bu lông M18			6	6		
15	Máy đóng mở V0			1	1		



CÔNG TY TNHH HUNG LAND
ĐỊA CHỈ: TDP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LÍNH

CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG
THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG
THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO
KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG

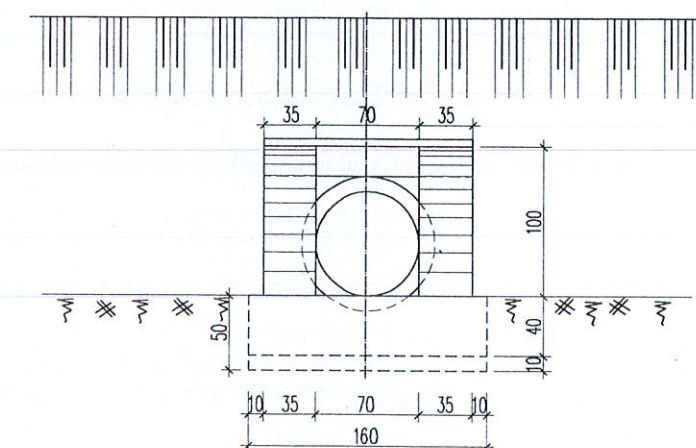
CÔNG TY TNHH HUNG LAND
GIÁM ĐỐC
HUNG LAND
TX. HỒNG LĨNH, TH. HÀ NỘI
TRẦN VĂN KHU

TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLTOFIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: CB2-02
LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026

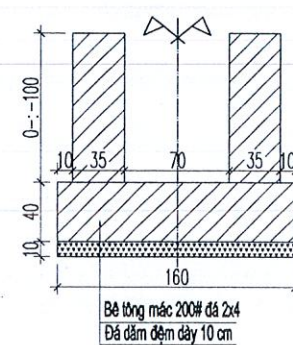
KM0+18.83 TUYẾN ĐƯỜNG 2



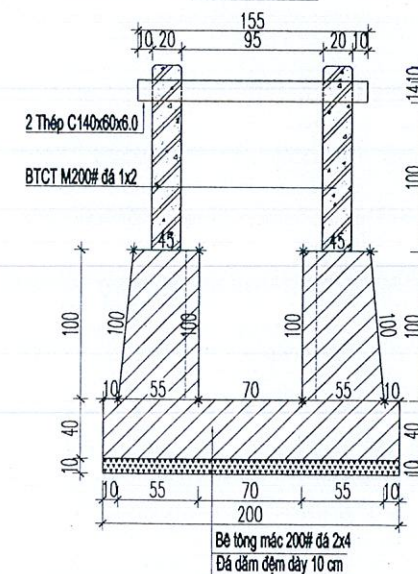
CHÍNH DIỆN THƯỢNG LƯU CÔNG



CẮT I - I



CẮT II - II



GHI CHÚ:
* Kích thước bản vẽ ghi bằng cm, cao độ ghi bằng m.



HUNGLONG
Hong Kong and Singapore
Phone: (852) 2622 1546

CÔNG TY TNHH HUNG LAND
ĐỊA CHỈ: TDP 5 NAM HỒNG - P. NAM HỒNG LĨNH

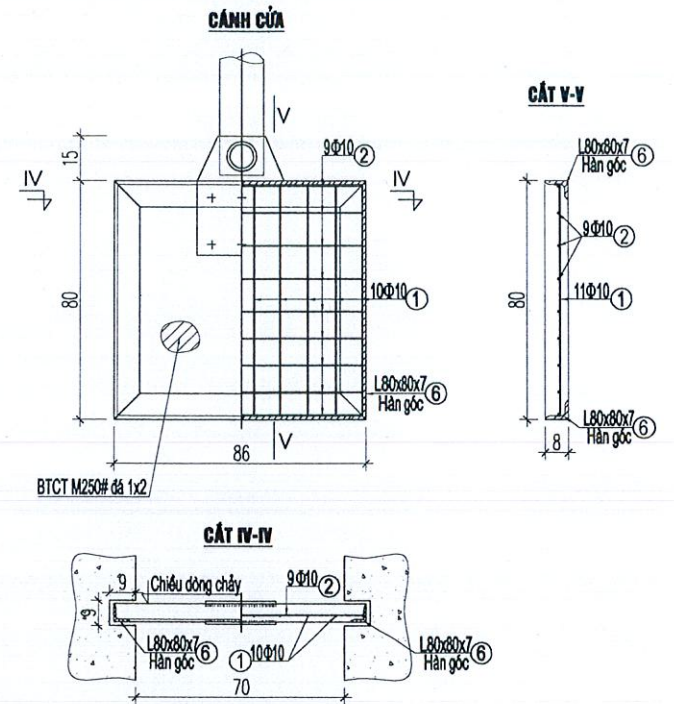
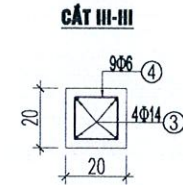
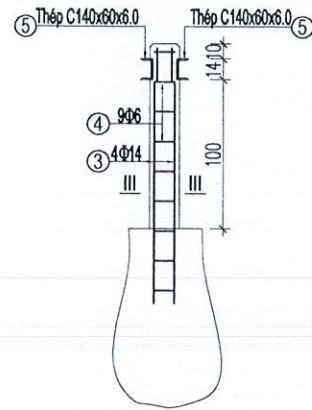
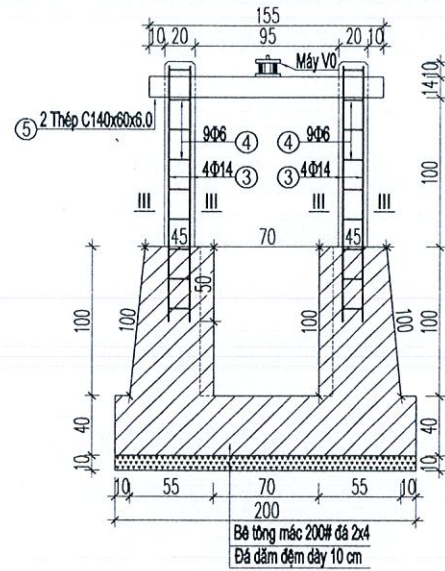
**CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH
NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÁU)**
BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG
THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG
THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO
KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG

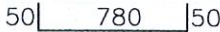
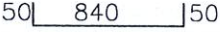
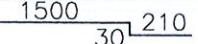
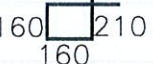
CÔNG TY TNHH HUNG LAND
THÀNH
GIÁM ĐỐC
HUNG LAND
TX. HỒNG LĨNH, HÀ TĨNH
TRẦN VĂN KHUẤT

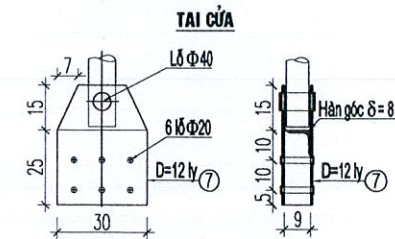
TÊN BẢN VẼ:	
CỬA LẤY NƯỚC CỐNG TRÒN C3-D=0.7M	
TỶ LỆ BẢN VẼ: SACCTOFIT	KỶ HIỆU HỒ SƠ: CT3-01
LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /20

BỐ TRÍ THÉP DÀN CỬA VAN



BẢNG THỐNG KÊ THẾP CỦA LẤY NƯỚC

KÝ HIỆU	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (MM)	C. DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG C. DÀI (M)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
				THANH 1CK	TOÀN BỘ		
1		Ø 10	880	10	10	8.80	5.43
2		Ø 10	940	9	9	8.46	5.22
3		Ø 14	1740	4	8	13.92	16.82
4		Ø 6	740	9	18	13.32	2.96
5	Dầm đỡ máy V0: C140x60x6.0 (16.50kg/m)		1550	1	2	3.10	51.15
6	Khung cửa: L80x80x7 (8.51kg/m)		3320	1	1	3.32	28.25
7	Tai cửa (thép tấm), d=12mm: (94.20kg/m2)		0.12	1	2	0.24	22.61
8	Bu lông M18			6	6		
9	Máy đóng mở V0			1	1		



[illegible]

- ĐÁ CÁC LOẠI MUA Ở MỎ ĐÁ XÀM HOA VĂN CHUYỂN VỀ CÔNG TRÌNH DÀI 18,9KM;
- CÁT VÀNG MUA TẠI BÀI CÁT AN PHÚ XÃ MẠI HOA VĂN CHUYỂN VỀ CÔNG TRÌNH DÀI 12,2KM;
- CÁT CÁC LOẠI MUA Ở BÀI CÁT TÙNG ANH XÃ ĐỨC THỌ VĂN CHUYỂN VỀ CÔNG TRÌNH DÀI 6,45KM;
- ĐẤT ĐẬP MUA Ở MỎ ĐÁ RỪU XÃ ĐỨC THỊNH VĂN CHUYỂN VỀ CÔNG TRÌNH DÀI 16,8KM;
- CÁC LOẠI VẬT LIỆU KHÁC MUA Ở XÃ ĐỨC THỌ VĂN CHUYỂN VỀ CÔNG TRÌNH DÀI 4,6KM;
- ĐẤT PHONG HÓA, ĐẤT THẢI ĐƯỢC VĂN CHUYỂN PHÂN BỐ CÁC KHU VỰC CÁCH CÔNG TRÌNH DÀI 2,0KM;



 HUNG LAND Đơn vị: Hưng Linh tại xã Hưng Linh, huyện Hưng Ninh A, tỉnh Hưng Yên	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC MINH	CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA LỀ ĐƯỜNG VƯỢT LŨ XÃ ĐỨC MINH NỐI VỚI ĐƯỜNG TX 20 (ĐƯỜNG LIÊN XÃ LIÊN MINH - TÙNG CHÂU) BƯỚC: LẬP BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT	CHỦ TRÌ	KS. PHẠM THANH THẮNG	 CÔNG TY TNHH HƯNG LINH GIÁM ĐỐC  TRẦN VĂN KHUÊ	TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU	
	CÔNG TY TNHH HUNG LAND ĐỊA CHỈ: TỔ DP 5 NAM HỒNG - P.NAM HỒNG LÍNH		THIẾT KẾ	KS. PHẠM THANH THẮNG		TỶ LỆ BẢN VẼ: SACLT0FIT	KÝ HIỆU HỒ SƠ: VCVL-01/01
			THỂ HIỆN	KS. NGUYỄN VĂN BẢO		LẦN XUẤT BẢN: 01	HOÀN THÀNH: /2026
			KIỂM TRA	KS. PHẠM THANH THẮNG			